

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**TÊN ĐỀ TÀI: HOÀN THIỆN KẾ TOÁN PHẢI THU KHÁCH
HÀNG VÀ KẾ TOÁN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY
THỦY ĐIỆN AN KHÊ - KA NAK**

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Thị Hồng Lợi

Lớp : Kế toán 40E

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh

Bình Định, tháng 06 năm 2021

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**TÊN ĐỀ TÀI: HOÀN THIỆN KẾ TOÁN PHẢI THU KHÁCH
HÀNG VÀ KẾ TOÁN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY
THỦY ĐIỆN AN KHÊ - KA NAK**

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Thị Hồng Lợi

Lớp : Kế toán 40E

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh

Bình Định, tháng 06 năm 2021

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đề tài “Hoàn thiện kế toán phải thu khách hàng và kế toán phải trả người bán tại Công ty Thủy điện An Khê - Ka NaK” là bài báo cáo do tôi thực hiện cùng với sự hướng dẫn tận tình của ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh và các anh chị phòng ban kế toán tại Công ty Thủy điện An Khê - Ka NaK.

Mọi số liệu, kết quả thu thập được cung cấp trong bài là hoàn toàn trung thực và không sao chép từ nguồn nào liên quan đến đề tài này. Ngoài ra, trong Khóa luận tốt nghiệp của tôi có tham khảo một số nhận xét, đánh giá, những kiến thức chuyên ngành từ các chuyên gia kinh tế, các tổ chức khác đều có trích dẫn và nguồn gốc cụ thể.

Bài làm này được phát triển dựa trên nền tảng từ bài chuyên đề tốt nghiệp trước đó. Nếu phát hiện có bất kỳ sự gian lận nào trong bài làm tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về bài báo cáo của mình.

Bình Định, Ngày 10 tháng 06 năm 2021

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Thị Hồng Lợi

NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN

Họ tên sinh viên thực hiện: Nguyễn Thị Hồng Lợi

Lớp: Kế toán 40E

Khóa: 40

Tên đề tài: Hoàn thiện kế toán phải thu khách hàng và kế toán phải trả người bán tại Công ty Thủy điện An Khê - Ka NaK

I. Nội dung nhận xét:

1. Tình hình thực hiện:
 2. Nội dung của đề tài:
 - Cơ sở lý thuyết:
 - Cơ sở số liệu:
 - Phương pháp giải quyết các vấn đề:
 3. Hình thức của đề tài:
 - Hình thức trình bày :
 - Kết cấu của đề tài:.....
 4. Những nhận xét khác :
-

II. Đánh giá cho điểm:

- Tiến trình làm đề tài:.....
- Hình thức làm đề tài:
- Nội dung làm đề tài:.....

Bình Định, Ngàythángnăm.....

Giảng viên hướng dẫn

ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh

NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN VẤN ĐÁP/PHẢN BIỆN

Họ tên sinh viên thực hiện : Nguyễn Thị Hồng Lợi

Lớp: Kế toán 40E

Khóa: 40

Tên đề tài : Hoàn thiện kế toán phải thu khách hàng và kế toán phải trả người bán tại

Công ty Thủy điện An Khê – Ka NaK.

I. Nội dung nhận xét:

1. Nội dung của đề tài:

- Cơ sở lý thuyết:
- Cơ sở số liệu:
- Phương pháp giải quyết các vấn đề:

2. Hình thức của đề tài:

- Hình thức trình bày :
- Kết cấu của đề tài:.....

3. Những nhận xét khác :

.....
.....

II. Đánh giá cho điểm :

- Nội dung đề tài:
- Hình thức đề tài:

Bình Định, Ngày tháng năm.....

Giảng viên phản biện

TS. Đào Nhật Minh

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT

DANH MỤC CÁC BẢNG

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ

1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	1
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	2
4. Phương pháp nghiên cứu	2
5. Kết cấu của đề tài	2
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ KẾ TOÁN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP	3
1.1. Khái quát chung về kế toán phải thu khách hàng trong các doanh nghiệp.....	3
<i>1.1.1. Khái niệm</i>	<i>3</i>
<i>1.1.2. Nguyên tắc hạch toán</i>	<i>3</i>
<i>1.1.3. Vai trò và nhiệm vụ</i>	<i>4</i>
<i>1.1.4. Kế toán phải thu khách hàng trong các doanh nghiệp</i>	<i>5</i>
<i>1.1.4.1. Tài khoản sử dụng</i>	<i>5</i>
<i>1.1.4.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng</i>	<i>6</i>
<i>1.1.4.3. Phương pháp hạch toán</i>	<i>6</i>
<i>1.1.5. Kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi.....</i>	<i>9</i>
<i>1.1.5.1. Khái niệm dự phòng nợ phải thu khó đòi.....</i>	<i>9</i>
<i>1.1.5.2. Nguyên tắc chung về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.....</i>	<i>10</i>
<i>1.1.5.3. Đối tượng lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.....</i>	<i>10</i>
<i>1.1.5.4. Mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi</i>	<i>10</i>
<i>1.1.5.5. Phương pháp kế toán.....</i>	<i>11</i>
1.2. Khái quát chung về kế toán phải trả người bán trong các doanh nghiệp.....	12
<i>1.2.1. Khái niệm</i>	<i>12</i>
<i>1.2.2. Nguyên tắc hạch toán</i>	<i>12</i>
<i>1.2.3. Vai trò và nhiệm vụ.....</i>	<i>13</i>
<i>1.2.4. Kế toán phải trả người bán trong các doanh nghiệp</i>	<i>14</i>
<i>1.2.4.1. Tài khoản sử dụng</i>	<i>14</i>

1.2.4.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng	15
1.2.4.3. Phương pháp hạch toán	15
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ KẾ TOÁN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY THỦY ĐIỆN AN KHÊ – KA NAK.....	20
2.1. Khái quát chung về Công ty Thủy điện An Khê – Ka NaK.....	20
2.1.1. Trụ sở công ty	20
2.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty	21
2.1.3. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.....	22
2.1.3.1. Loại hình kinh doanh và các loại hàng hóa, dịch vụ chủ yếu mà Công ty kinh doanh.....	22
2.1.3.2. Thị trường đầu vào và đầu ra của Công ty.....	22
2.1.3.3. Vốn kinh doanh của Công ty.....	22
2.1.3.4. Đặc điểm của các nguồn lực chủ yếu của Công ty	23
2.1.4. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty.....	24
2.1.5. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý tại Công ty Thủy điện An Khê - Ka NaK	25
2.1.5.1. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh tại công ty	25
2.1.5.2. Đặc điểm tổ chức quản lý của công ty	26
2.1.6. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 3 năm 2018-2019-2020..	27
.....	27
2.2. Tổng quan về công tác kế toán tại Công ty Thủy điện An Khê – Ka NaK	28
2.2.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.....	28
2.2.2. Hình thức kế toán mà công ty áp dụng	30
2.2.3. Một số chính sách kế toán áp dụng tại công ty	31
2.3. Thực trạng kế toán phải thu khách hàng và kế toán phải trả người bán tại Công ty Thủy điện An Khê - Ka Nak	32
2.3.1 Kế toán các khoản phải thu khách hàng.....	32
2.3.2. Kế toán các khoản phải trả người bán	44
CHƯƠNG 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ KẾ TOÁN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY THỦY ĐIỆN AN KHÊ -KA NAK	74

3.1. Nhận xét về kế toán phải thu khách hàng và kế toán phải trả người bán tại Công ty Thủy điện An Khê - Ka NaK.....	74
<i>3.1.1. Nhận xét chung về công ty</i>	<i>74</i>
<i>3.1.2. Nhận xét về kế toán phải thu khách hàng và kế toán phải trả người bán tại công ty</i>	<i>75</i>
3.2. Phương hướng và giải pháp để hoàn thiện kế toán phải thu khách hàng và kế toán phải trả người bán tại Công ty Thủy điện An Khê - Ka Nak.....	77
KẾT LUẬN.....	88
TÀI LIỆU THAM KHẢO	90

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Ký hiệu, chữ viết tắt	Diễn giải
AP	APTOMAT
BĐS	Bất động sản
ĐBH	Đồ bảo hộ
ĐT XD	Đầu tư xây dựng
ĐVT	Đơn vị tính
GBC	Giấy báo Có
GBN	Giấy báo Nợ
GKBMN	Gioăng khớp bù mô nèo
GTGT	Giá trị gia tăng
HĐXL	Hoạt động xây lắp
PC	Phiếu chi
STK	Số tài khoản
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNCN	Thu nhập cá nhân
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	Tài sản cố định
UNC	Ủy nhiệm chi
XDCB	Xây dựng cơ bản

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Bảng kê chi tiết nhóm tài sản cố định năm 2020	23
Bảng 2.2: Tình hình lao động của công ty năm 2020	24
Bảng 2.3: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn 2018-2020	27

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 2.1: Quy trình sản xuất điện tại nhà máy thủy điện.....	25
Sơ đồ 2.2: Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh	26
Sơ đồ 2.3: Cơ cấu tổ chức quản lý.....	26
Sơ đồ 2.4: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty	29
Sơ đồ 2.5. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức “chứng từ ghi sổ” tại công ty	31
Sơ đồ 2.6: Trình tự ghi sổ kế toán phải thu khách hàng theo hình thức “chứng từ ghi sổ” tại công ty	33
Sơ đồ 2.7: Trình tự ghi sổ kế toán phải trả người bán theo hình thức “chứng từ ghi sổ” tại công ty	45

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Bất kỳ doanh nghiệp nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình cũng bao gồm rất nhiều mối quan hệ kinh tế liên quan tới vấn đề thanh toán như: thanh toán với nhà nước, với cán bộ công nhân viên, thanh toán trong nội bộ, thanh toán với người mua, người cung cấp... Tuy nhiên chiếm mật độ cao và thường xuyên nhất là quan hệ thanh toán với người mua hàng và người cung cấp.

Đối với các đơn vị hoạt động trong ngành sản xuất, quan hệ thanh toán với người mua hàng và người cung cấp gắn liền với môi quan hệ của doanh nghiệp trong quá trình mua nguyên vật liệu và tiêu thụ hàng hoá. Các nghiệp vụ liên quan đến quan hệ này diễn ra thường xuyên đồng thời hình thức sử dụng trong thanh toán và phương thức thanh toán ảnh hưởng tới việc ghi chép của kế toán viên lại thường xuyên biến đổi.

Việc thanh toán liên quan trực tiếp tới một số khoản mục thuộc về vốn bằng tiền, khoản phải thu, nợ phải trả... nên có ảnh hưởng lớn tới tình hình tài chính của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Trước những thay đổi có thể nói là liên tục phát triển và mở rộng của quan hệ thanh toán với người mua và người bán và ảnh hưởng của nó tới tình hình tài chính của mỗi doanh nghiệp yêu cầu nghiệp vụ đối với kế toán thanh toán cũng vì thế mà cao hơn, kế toán không chỉ có nhiệm vụ ghi chép mà còn phải chịu trách nhiệm thu hồi nhanh các khoản nợ, tìm nguồn huy động vốn để trả nợ, biết lường trước và hạn chế được rủi ro trong thanh toán... Trong quá trình hoàn thiện để có thể thích nghi với những thay đổi đó, kế toán chịu trách nhiệm sẽ gặp phải không ít khó khăn, đây là điều không thể tránh khỏi.

Với những kiến thức đã học tại trường và qua thời gian đi thực tập tại Công ty Thủy điện An Khê- Ka NaK em nhìn nhận được tầm quan trọng và ý nghĩa đó nên em chọn đề tài "***Hoàn thiện kế toán phải thu khách hàng và kế toán phải trả người bán tại Công ty Thủy điện An Khê - Ka Nak***" làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Việc chọn đề tài nhằm mục tiêu:

- Nghiên cứu về cơ sở lý luận về kế toán phải thu khách hàng và kế toán phải trả người bán trong các doanh nghiệp.

- Tìm hiểu thực trạng công tác hạch toán kế toán phải thu khách hàng và kế toán phải trả người bán tại Công ty Thủy điện An Khê – Ka Nak. Qua đó đưa ra nhận xét về ưu điểm, nhược điểm của công tác hạch toán tại công ty.

- Đưa ra phương hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán phải thu khách hàng và kế toán phải trả người bán, đồng thời nâng cao hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Kế toán phải thu khách hàng và kế toán phải trả người bán.
- Phạm vi nghiên cứu: Tại Công ty Thủy điện An Khê - Ka Nak trong quý 04 năm 2020.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp với đề tài “Hoàn thiện kế toán phải thu khách hàng và kế toán phải trả người bán tại “Công ty Thủy điện An Khê – Ka NaK” em đã sử dụng một số phương pháp sau:

- Thu thập số liệu và phỏng vấn trực tiếp kế toán trưởng, kế toán công nợ về các thông tin cần thiết liên quan đến đề tài trong thời gian thực tập tại công ty.
- Phương pháp thống kê số liệu và phương pháp hạch toán để hoàn thành đề tài.

5. Kết cấu của đề tài

Nội dung đề tài gồm có 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán phải thu khách hàng và kế toán phải trả người bán trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng kế toán phải thu khách hàng và kế toán phải trả người bán tại Công ty Thủy điện An Khê – Ka Nak.

Chương 3: Phương hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán phải thu khách hàng và kế toán phải trả người bán tại Công ty Thủy điện An Khê - Ka Nak.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ KẾ TOÁN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

1.1. Khái quát chung về kế toán phải thu khách hàng trong các doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm

Kế toán phải thu khách hàng (TK 131) là một phần hành thuộc kế toán công nợ, phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp về tiền bán các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, TSCĐ,...

1.1.2. Nguyên tắc hạch toán

- Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp đối với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ. Tài khoản này còn dùng để phản ánh các khoản phải thu của người nhận thầu XDCB với người giao thầu về khối lượng công tác XDCB đã hoàn thành. Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ thu tiền ngay.

- Khoản phải thu của khách hàng cần được hoạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kì hạn thu hồi (trên 12 tháng hay không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) và ghi chép theo từng lần thanh toán. Đối tượng phải thu là các khách hàng có quan hệ kinh tế với doanh nghiệp về mua sản phẩm, hàng hóa, nhận cung cấp dịch vụ, kể cả TSCĐ, BĐS đầu tư và các khoản đầu tư tài chính.

- Trong quan hệ bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp với khách hàng, nếu sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư đã giao, dịch vụ đã cung cấp không đúng với thỏa thuận theo hợp đồng kinh tế thì người mua có thể yêu cầu doanh nghiệp giảm giá hàng bán hoặc trả lại số hàng bán đã giao.

- Bên giao ủy thác xuất khẩu ghi nhận trong tài khoản này đối với các khoản phải thu từ bên nhận ủy thác xuất khẩu về tiền bán hàng xuất khẩu như các giao dịch bán hàng, cung cấp các dịch vụ thông thường.

- Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải thu của khách hàng theo từng loại nguyên tệ. Đối với các khoản phải thu bằng ngoại tệ thì thực hiện theo nguyên tắc:

+ Khi phát sinh các khoản nợ phải thu của khách hàng (bên Nợ tài khoản 131), kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi chỉ định khách hàng thanh toán). Riêng trường hợp nhận trước của người mua, khi đủ điều kiện ghi nhận doanh thu thì bên Nợ tài khoản 131 áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh đối với số tiền đã nhận trước.

+ Khi thu hồi nợ phải thu của khách hàng (bên Có tài khoản 131) kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ (trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó). Riêng trường hợp phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua thì bên Có tài khoản 131 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế (là tỷ giá ghi vào bên Nợ tài khoản tiền) tại thời điểm nhận trước.

+ Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải thu của khách hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Các đơn vị trong tập đoàn được áp dụng chung một tỷ giá do công ty mẹ quy định (phải đảm bảo sát với tỷ giá giao dịch thực tế) để đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng có gốc ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn.

- Trong hạch toán chi tiết tài khoản này, kế toán phải tiến hành phân loại các khoản nợ, loại nợ có thể trả đúng hạn, khoản nợ khó đòi hoặc có khả năng không thu hồi được, để có căn cứ xác định số trích lập dự phòng phải thu khó đòi hoặc có biện pháp xử lý đối với các khoản nợ phải thu không đòi được. (*Thông tư 48/2019/TT-BTC Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp*).

1.1.3. Vai trò và nhiệm vụ

❖ Vai trò

Trong tất cả các khoản phải thu nào là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác thì phải thu khách hàng là khoản chiếm vai trò quan trọng nhất đối với các doanh nghiệp, bởi vì mỗi doanh nghiệp từ khi thành lập đến khi tiến hành hoạt

động đều phải có nguồn vốn ban đầu, mà lượng vốn này thì lại có hạn dẫn đến không đủ khả năng để chi trả các khoản nợ, và từ đó xuất hiện quan hệ thanh toán giữa doanh nghiệp với các cá nhân và tổ chức bên ngoài. Và các doanh nghiệp cần phải thu vào để trang trải những chi phí cũng như dự phòng cho các khoản đầu tư trong tương lai.

Kế toán phải thu khách hàng thuộc các khoản phải thu trong doanh nghiệp có vai trò quan trọng đối với doanh nghiệp, nó không chỉ là yêu cầu mà còn vấn đề cần thiết ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Góp phần lành mạnh hóa tài chính cho doanh nghiệp.

❖ *Nhiệm vụ*

- Kế toán phải thu khách hàng phải nắm bắt tình hình phải thu, chính sách bán chịu, thanh toán quốc tế. Định kỳ tiến hành lập báo cáo về tình hình phải thu khách hàng. Đối với những khách hàng thường xuyên cuối kỳ tiến hành đối chiếu công nợ.
- Các khoản phải thu chủ yếu có số dư bên nợ, nhưng trong quan hệ đối với từng đối tượng phải thu có thể xuất hiện số dư bên Có. Cuối kỳ kế toán, khi lập báo cáo tài chính, khi tính toán các chỉ tiêu phải thu, phải trả cho phép lấy số dư chi tiết các khoản nợ phải thu để lên hai chỉ tiêu bên “Tài sản” và bên “Nguồn Vốn” của bảng cân đối kế toán.
- Ghi chép, phản ánh kịp thời chặt chẽ các khoản nợ phải thu khách hàng theo từng đối tượng, thời hạn thanh toán, chiết khấu.
- Kế toán phải xác minh tại chỗ hoặc yêu cầu xác minh bằng văn bản đối với các khoản nợ tồn đọng lâu ngày chưa và khó có khả năng thu hồi được làm căn cứ để lập dự phòng nợ phải thu khó đòi về các khoản này.

1.1.4. Kế toán phải thu khách hàng trong các doanh nghiệp

1.1.4.1. Tài khoản sử dụng

Sử dụng tài khoản 131 “ Phải thu khách hàng” để hạch toán.

❖ *Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 131- Phải thu khách hàng.*

Bên Nợ:

- Số tiền phải thu khách hàng phát sinh trong kỳ khi bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, dịch vụ, các khoản đầu tư tài chính.
- Số tiền thừa trả lại cho khách hàng.
- Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá đồng ngoại tệ tăng so với đồng Việt Nam).

Bên Có:

- Số tiền khách hàng đã trả nợ.
- Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng.
- Khoản giảm giá cho khách hàng sau khi đã giao hàng và khách hàng có khiếu nại.
- Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua.
- Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại (có thuế GTGT hoặc không có thuế GTGT).
- Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (trường hợp giá ngoại tệ giảm so với đồng Việt Nam).

Số dư bên Nợ:

- Số tiền còn phải thu của khách hàng.
- Tài khoản này có thể có số dư bên Có. Số dư bên Có phản ánh số tiền nhận trước, hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể. Khi lập bảng Cân đối kế toán phải lấy số dư chi tiết cho từng đối tượng phải thu của tài khoản này để ghi cả 2 chỉ tiêu bên “Tài sản” và bên “Nguồn vốn”.

1.1.4.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng**❖ Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu thu.
- Biên bản bù trừ công nợ.

❖ Sổ sách sử dụng:

- Sổ chi tiết tài khoản 131.
- Các sổ tổng hợp liên quan (tùy theo hình thức ghi sổ kế toán).

1.1.4.3. Phương pháp hạch toán

a) Hạch toán phải thu của khách hàng khi chưa thu được tiền ngay.

Được chia theo 2 đối tượng cụ thể:

- Doanh nghiệp bán sản phẩm, cung cấp dịch vụ chưa thu được tiền ngay:
- Nếu các khoản thuế gián thu phải nộp được tách riêng theo từng loại thuế ngay khi ghi nhận doanh thu bán hàng, và cung cấp dịch vụ (kể cả thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp), hạch toán:

Nợ TK 131: Tổng giá thanh toán bán hàng chưa thu được tiền.

Có TK 511: Trị giá bán chưa có thuế.

Có TK 333: Tiền thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (chi tiết từng loại thuế).

- Nếu các khoản thuế gián thu không tách ngay được các khoản thuế phải nộp, kế toán ghi nhận doanh thu bao gồm cả thuế phải nộp, hạch toán:

Nợ TK 131: Tổng thanh toán bán chưa thu được tiền đã bao gồm thuế.

Có TK 511: Tổng thanh toán bán chưa thu được tiền đã bao gồm thuế.

- Định kỳ, kế toán phải xác định nghĩa vụ thuế phải nộp cho Nhà nước và tiến hành ghi giảm doanh thu:

Nợ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Có TK 333: Tiền thuế và các khoản phải nộp nhà nước (chi tiết từng loại thuế).

- Phải thu khách hàng thuộc hoạt động đầu tư tài chính.

Hạch toán:

Nợ TK 131: Trị giá tiền bán chưa thu được tiền.

Nợ TK 635: Khoản lỗ về nhượng bán các khoản đầu tư tài chính.

Có TK 121, 128, 221, 222, 228: Trị giá hàng bán chưa thu được tiền.

Có TK 515: Khoản lãi về nhượng bán các khoản đầu tư tài chính.

- b) Hạch toán phải thu của khách hàng khi bị khách hàng trả lại:

Có 2 trường hợp cụ thể như sau:

- Trường hợp tách ngay được các khoản thuế phải nộp.

Ghi nhận hàng bán bị khách hàng trả lại không bao gồm thuế phải nộp:

Nợ TK 521: Trị giá hàng bán bị trả lại chưa có thuế.

Nợ TK 333: Tiền thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước của hàng bán bị trả lại.

Có TK 131: Tổng số tiền bị trả lại (chi tiết cho đối tượng khách hàng).

- Trường hợp không tách ngay được các khoản thuế phải nộp:

Nợ TK 521: Trị giá hàng bán bị trả lại bao gồm thuế.

Có TK 131: Trị giá hàng bán bị trả lại bao gồm thuế (chi tiết cho đối tượng).

- c) Hạch toán phải thu khách hàng khi DN có chính sách thương mại và giảm giá hàng bán.

Có 2 trường hợp xảy ra:

- Trường hợp số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán đã ghi ngay trên hóa đơn bán hàng thì phản ánh doanh thu theo giá đã trừ chiết khấu, giảm giá theo doanh thu thuần (không phản ánh riêng số chiết khấu, giảm giá).

- Trường hợp số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán chưa ghi ngay trên hóa đơn bán hàng thì ghi nhận riêng khoản chiết khấu thương mại, giảm giá theo giá chưa trừ chiết khấu (doanh thu gộp).

Sau thời điểm ghi nhận doanh thu, nếu khách hàng đủ điều kiện được hưởng chiết khấu, giảm giá thì ghi nhận riêng khoản chiết khấu, giảm giá để định kỳ tiến hành giảm doanh thu gộp, hạch toán theo 2 khả năng:

- Tách ngay được các khoản thuế phải nộp, ghi nhận chiết khấu, giảm giá không bao gồm thuế:

Nợ TK 5211, 5213: Trị giá chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán chưa có thuế.

Nợ TK 333: Tiền thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của CKTM và GGHB.

Có TK 131: Tổng số tiền giảm giá, chiết khấu thương mại.

- Không tách ngay được các khoản thuế phải nộp nên ghi nhận chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán bao gồm cả thuế:

Nợ TK 5211, 5213: Trị giá tiền CKTM, GGHB bao gồm cả thuế.

Có TK 131: Trị giá tiền CKTM, GGHB bao gồm cả thuế.

d) Hạch toán phải thu khách hàng khi nhận được tiền do khách hàng trả.

Khi nhận được tiền do khách hàng trả (kể cả tiền lãi), tiền ứng trước của khách hàng theo hợp đồng bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ:

Nợ TK 111, 112: Tổng giá trị phải thu khách hàng bao gồm cả tiền lãi.

Có TK 131: Tổng giá trị phải thu khách hàng.

Có TK 515: Tiền lãi

e) Hạch toán phải thu của khách hàng khi khách hàng thanh toán đúng hạn.

Số chiết khấu thanh toán mà khách hàng được hưởng do thanh toán trước hạn theo quy định, được trừ vào số nợ phải thu của khách hàng:

Nợ TK 635: Trị giá tiền chiết khấu thanh toán được hưởng.

Có TK 131: Trị giá tiền chiết khấu thanh toán được hưởng.

f) Hạch toán phải thu của khách hàng khi khách hàng thanh toán bằng hàng (phương thức hàng đổi hàng).

Khi khách hàng thanh toán nợ bằng hàng (phương thức hàng đổi hàng). Căn cứ vào giá trị vật tư, hàng hóa nhận trao đổi (tính theo giá trị hợp lý trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng của khách hàng), tiền hàng trừ vào số nợ phải thu của khách hàng:

Nợ TK 152, 153, 156: Trị giá NVL, CCDC, hàng hóa khách hàng thanh toán.

Nợ TK 611: Mua hàng (Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ.

Có TK 131: Tổng giá trị phải thu khách hàng.

g) Hạch toán phải thu của khách hàng đối với phí ủy thác tại bên nhận ủy thác xuất nhập khẩu.

Nợ TK 131: Trị giá phải thu khách hàng.

Có TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Có TK 333: Thuế GTGT phải nộp

h) Hạch toán khi không thể thu hồi được số tiền chưa trả của khách hàng.

Khi doanh nghiệp không thể thu hồi được số tiền chưa trả của khách hàng, căn cứ vào biên bản xử lý xóa nợ, hạch toán như sau:

Nợ TK 2293: Số đã lập dự phòng tổn thất tài sản.

Nợ TK 642: Số chưa lập dự phòng.

Có TK 131: Trị giá phải thu khách hàng.

i) Hạch toán khi trả lại số tiền thừa cho khách hàng.

Nợ TK 131: Trị giá tiền thừa trả lại cho khách hàng.

Có TK 111, 112, 3411,...: Trị giá tiền thừa trả lại cho khách hàng.

j) Hạch toán phải thu khách hàng vào cuối kỳ.

Khi kế toán tiến hành lập Báo cáo tài chính, số dư nợ phải thu của khách hàng có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Kế toán hạch toán theo 2 trường hợp:

➤ Khi phát sinh lãi tỷ giá hối đoái, hạch toán:

Nợ TK 131: Trị giá chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Có TK 4131: Trị giá chênh lệch tỷ giá hối đoái.

➤ Khi phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái, hạch toán:

Nợ TK 4131: Trị giá chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Có TK 131: Trị giá chênh lệch tỷ giá hối đoái.

1.1.5. Kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi

1.1.5.1. Khái niệm dự phòng nợ phải thu khó đòi

“Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần lớn giá trị tổn thất của các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn”. (*Thông tư 48/2019/TT-BTC Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp*).

1.1.5.2. Nguyên tắc chung về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

- Thời điểm trích lập và hoàn nhập dự phòng là thời điểm lập Báo cáo tài chính năm.
- Được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.
- Số dư của tài khoản “dự phòng nợ phải thu khó đòi” TK 2293 được ghi âm trên bảng cân đối kế toán.

1.1.5.3. Đối tượng lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Đối tượng lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là các khoản nợ phải thu đến hạn thanh toán và chưa đến hạn nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn. Lưu ý các khoản nợ phải thu bao gồm cả các khoản doanh nghiệp cho bên ngoài vay, các khoản trái phiếu mà doanh nghiệp chưa đăng ký trên giao dịch chứng khoán mà doanh nghiệp đang sở hữu và bên cạnh đó để các khoản nợ phải thu được lập dự phòng nợ phải thu khó đòi thì phải đảm bảo 2 điều kiện sau đây:

- Có chứng từ gốc để chứng minh số tiền mà đối tượng nợ chưa trả chẳng hạn như: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, biên bản cam kết nợ, bản thanh lý, bảng đối chiếu công nợ hoặc các chứng từ khác có liên quan đến nợ phải thu.
- Đủ căn cứ xác định là khoản nợ khó đòi. Một khoản nợ phải thu được xác định là nợ khó đòi nếu rơi vào 2 trường hợp sau đây:
 - Nợ thanh toán quá hạn từ 6 tháng trở lên; tính từ thời hạn trả nợ gốc ban đầu, doanh nghiệp đã gửi đối chiếu xác nhận nợ và đã đôn đốc thanh toán nhưng vẫn chưa thu hồi được số nợ.
 - Nợ chưa đến hạn nhưng đối tượng nợ có khả năng không trả nợ chẳng hạn như đối tượng nợ bị phá sản, bỏ trốn hoặc bị phát lệnh truy nã, ngồi tù...

1.1.5.4. Mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Theo quy định hiện hành thì có các mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

Trường hợp 1: Đối với các khoản nợ quá hạn thanh toán, cụ thể:

- 30% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Trường hợp 2: Đối với các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ viễn thông và doanh nghiệp kinh doanh bán lẻ hàng hóa, cụ thể:

- 30% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 tháng đến dưới 6 tháng.

- 50% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 9 tháng.
- 70% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 9 tháng đến dưới 12 tháng.
- 100% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 12 tháng trở lên.

1.1.5.5. Phương pháp kế toán

2293	
<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi - Bù đắp giá trị tổn thất thực tế 	<ul style="list-style-type: none"> - Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi
	Dư có: Số trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tài khoản 2293 – Dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Số dư bên Có: số dự phòng đã trích lập.

Được ghi âm bên phần Tài sản trên bảng cân đối kế toán.

- Trường hợp số dư dự phòng nợ khó đòi cần trích lập bằng số dư dự phòng nợ phải thu đã trích lập ở báo cáo năm trước thì doanh nghiệp không được trích lập bổ sung.
- Trường hợp số dư dự phòng nợ khó đòi cần trích lập cao hơn số dư dự phòng nợ phải thu đã trích lập ở báo cáo năm trước thì doanh nghiệp cần trích lập bổ sung phần chênh lệch và được ghi nhận vào chi phí quản lý trong kì.

Nợ TK 642: Phần chênh lệch doanh nghiệp trích lập bổ sung dự phòng nợ khó đòi

Có TK 2293: Phần chênh lệch doanh nghiệp trích lập bổ sung dự phòng nợ khó đòi

- Trường hợp số dư dự phòng nợ khó đòi cần trích lập thấp hơn số dư dự phòng nợ phải thu đã trích lập ở báo cáo năm trước thì doanh nghiệp không được phép trích lập bổ sung mà kế toán phải hoàn nhập phần chênh lệch để ghi giảm chi phí trong kỳ để đơn giản hóa chi phí trong kỳ.

Nợ TK 2293: Hoàn nhập phần chênh lệch dự phòng nợ khó đòi.

Có TK 642: Hoàn nhập phần chênh lệch dự phòng nợ khó đòi.

- Khi thực tế phát sinh giá trị tổn thất của khoản nợ phải thu không thu hồi được:

Nợ TK 111, 112,...: Số thu hồi được.

Nợ TK 2293: Bù đắp dự phòng phải thu khó đòi.

Nợ TK 642: Phần chênh lệch thiếu.

Có TK 131, 138... Giá trị khoản nợ phải thu.

- Thu hồi được nợ khó đòi:

Nợ TK 111, 112,...: Thu hồi nợ khó đòi.

Có TK 711: Thu hồi nợ khó đòi.

1.2. Khái quát chung về kế toán phải trả người bán trong các doanh nghiệp

1.2.1. Khái niệm

Kế toán phải trả người bán (TK 331) là một phần hành thuộc kế toán công nợ, phản ánh các khoản nợ phải trả người cung cấp và tình hình thanh toán các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp về tiền mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ, TSCĐ, BĐS đầu tư,...

1.2.2. Nguyên tắc hạch toán

- Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

- Doanh nghiệp phải chi tiết các khoản nợ phải trả cho người bán theo từng loại nguyên tệ. Đối với các khoản phải trả bằng ngoại tệ thì doanh nghiệp thực hiện theo nguyên tắc:

- + Khi phát sinh các khoản nợ phải trả cho người bán (bên Có tài khoản 331) bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch). Riêng trường hợp ứng trước cho nhà thầu hoặc người bán, khi đủ điều kiện ghi nhận tài sản hoặc chi phí thì bên Có tài khoản 331 áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh đối với số tiền đã ứng trước.

- + Khi thanh toán nợ phải trả cho người bán (bên Nợ tài khoản 331) bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng chủ nợ (trường hợp chủ nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động các giao dịch của chủ nợ đó). Riêng trường hợp phát sinh giao dịch ứng trước tiền cho nhà thầu hoặc người bán thì bên Nợ tài khoản 331 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế (là tỷ giá bán của ngân hàng nơi thường xuyên có giao dịch) tại thời điểm ứng trước.

- + Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả cho người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các đơn vị trong tập đoàn được áp dụng chung một tỷ giá do công ty mẹ quy định (phải đảm bảo sát với tỷ giá giao dịch thực tế) để đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ phát sinh từ giao dịch trong nội bộ tập đoàn.
- Những vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, nhập kho nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hóa đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức của người bán.
- Bên giao nhập khẩu ủy thác ghi nhận trên tài khoản này số tiền phải trả người bán về hàng hóa nhập khẩu thông qua bên nhận nhập khẩu ủy thác như khoản phải trả người bán thông thường.
- Khi hạch toán chi tiết các khoản này, kế toán phải hạch toán rõ ràng, rành mạch các khoản chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán của người bán, người cung cấp nếu chưa được phản ánh trong hóa đơn mua hàng.

1.2.3. Vai trò và nhiệm vụ

❖ Vai trò

Cũng giống như kế toán phải thu khách hàng thì kế toán phải trả người bán cũng có vai trò không hề kém, đó là thực hiện các giao dịch với nhà cung cấp, tiến hành thanh toán đúng hạn hoặc có thể gia hạn thêm thời hạn làm sao để vừa hợp lệ mà cũng hợp tình. Kế toán thanh toán có vai trò quan trọng đó là thỏa thuận, duy trì các mối quan hệ cũ đồng thời tìm hiểu thêm các nhà cung cấp mới có đủ những tiêu chí để đáp ứng các yêu cầu mà nhà quản trị đưa ra.

❖ Nhiệm vụ

- Kế toán phải theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng loại chiết khấu và phụ trội khi xác định chi phí đi vay để tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hóa theo từng kỳ. Trường hợp trả lãi khi đáo hạn trái phiếu thì định kỳ doanh nghiệp phải tính lãi trái phiếu phải trả từng kỳ để ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hóa vào giá trị của tài sản dở dang.
- Kế toán theo dõi chi tiết từng khoản nợ phải trả.

- Cuối niên độ kế toán phải đánh giá lại số dư các khoản vay, nợ ngắn hạn và nợ dài hạn có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản vay ngắn hạn, nợ ngắn hạn và dài hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Cuối niên độ kế toán doanh nghiệp phải căn cứ vào kế ước vay dài hạn, nợ dài hạn, kế hoạch trả các khoản nợ dài hạn để xác định số nợ dài hạn phải thanh toán trong niên độ kế toán tiếp theo và kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả.

1.2.4. Kế toán phải trả người bán trong các doanh nghiệp

1.2.4.1. Tài khoản sử dụng

Sử dụng tài khoản 331 “Phải trả người bán” để hạch toán.

❖ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 331- Phải trả người bán

Bên Nợ:

- Số tiền đã trả hoặc ứng trước cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp.
- Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng bán hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng.
- Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ.
- Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán.
- Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ. (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam).

Bên Có:

- Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ và người nhận thầu xây lắp.
- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn số thực tế của vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, khi có hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức.
- Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với đồng Việt Nam).

Số dư bên Có:

- Số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp.

Số dư bên Nợ:

- Tài khoản này có thể có số dư bên Nợ. Số dư bên Nợ (nếu có) phản ánh số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết từng đối tượng cụ thể. Khi lập bảng Cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết theo từng đối tượng phản ánh ở tài khoản này để ghi 2 bên chỉ tiêu “Tài sản” và “Nguồn vốn”.

1.2.4.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng**❖ Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu nhập kho.
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, nhiên liệu. Biên bản giao nhận TSCĐ.

❖ Sổ sách sử dụng

- Sổ chi tiết tài khoản 331.
- Các sổ tổng hợp có liên quan (tùy theo hình thức ghi sổ kế toán).

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán

a) Mua vật tư, hàng hóa chưa trả tiền cho người bán về nhập kho trong trường hợp hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

➤ Trường hợp mua trong nội địa:

- Nếu thuế GTGT được khấu trừ:

Nợ TK 152, 153, 156, 157, 211: Trị giá mua chưa bao gồm thuế GTGT.

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ.

Có TK 331: Tổng giá trị thanh toán.

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ giá trị vật tư hàng hóa TSCĐ (bao gồm cả thuế GTGT) tổng giá trị thanh toán.

➤ Trường hợp nhập khẩu, ghi:

- Phản ánh giá trị nhập khẩu bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế nhập khẩu, thuế bảo vệ môi trường (nếu có):

Nợ TK 152, 153, 156, 211: Giá trị nhập khẩu bao gồm cả thuế.

Có TK 331: Phải trả người bán.

Có TK 3332: Thuế tiêu thụ đặc biệt.

Có TK 3333: Thuế xuất nhập khẩu (chi tiết loại thuế).

Có TK 33381: Thuế bảo vệ môi trường.

- Nếu thuế GTGT được khấu trừ:

Nợ TK 133: Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.

Có TK 333: Thuế GTGT phải nộp (33312 Thuế GTGT hàng nhập khẩu).

b) Khi đơn vị có thực hiện đầu tư XD CB theo phương thức giao thầu, Khi nhận khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao cho bên nhận thầu xây lắp, căn cứ hợp đồng nhận thầu và biên bản bàn giao hoàn thành, hóa đơn khối lượng xây lắp hoàn thành:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:

Nợ TK 241: XD CB dở dang (Giá trị chưa có thuế GTGT).

Nợ TK 133: Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.

Có TK 331: Tổng giá trị thanh toán.

- Nếu thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị đầu tư XD CB bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá trị thanh toán).

c) Khi ứng trước tiền hoặc thanh toán số tiền phải ghi trả cho người cung cấp vật tư, người bán hàng hóa, dịch vụ, người nhận thầu xây lắp:

Nợ TK 331: Phải trả người bán.

Có TK 111, 112, 341: Phải trả người bán.

- Trường hợp phải thanh toán cho nhà thầu bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch).

- Trường hợp ứng trước tiền cho nhà thầu bằng ngoại tệ, kế toán ghi nhận giá trị đầu tư XD CB tương ứng với số tiền đã ứng trước. Phần giá trị đầu tư XD CB còn phải thanh toán (sau khi đã trừ đi số ứng trước) được ghi nhận theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh.

Nợ TK 331: Phải trả cho người bán (tỷ giá giao dịch thực tế).

Nợ TK 635: Chi phí tài chính (nếu lỗ tỷ giá giao dịch thực tế thấp hơn so với tỷ giá ghi sổ kế toán của TK tiền).

Có TK 111, 112: Tỷ giá ghi sổ kế toán.

Có TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính (nếu tỷ giá giao dịch thực tế cao hơn so với tỷ giá ghi sổ kế toán của TK tiền).

d) Khi nhận số tiền do người bán hoàn lại đã ứng trước vì đã không ứng trước được cung cấp hàng hóa dịch vụ:

Nợ TK 111, 112: Hoàn lại số tiền đã ứng trước.

Có TK 331: Hoàn lại số tiền đã ứng trước.

e) Nhận dịch vụ cung cấp (chi phí vận chuyển, điện thoại, điện nước, tư vấn, quảng cáo và các dịch vụ khác) của người bán:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:

Nợ TK 156, 241, 242, 623, 627, 635, 641, 642, 811:

Nợ TK 133: Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.

Có TK 331: Phải trả người bán.

- Nếu thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị dịch vụ bao gồm cả thuế GTGT.

f) Trường hợp vật tư, hàng hóa mua vào phải trả lại cho người bán hoặc được người bán chấp thuận giảm giá do không đúng quy cách, phẩm chất được tính trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán:

Nợ TK 331: Phải trả cho người bán.

Có TK 133: Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.

Có TK 152, 153, 156: Giá trị hàng hóa chưa thuế.

g) Chiết khấu thanh toán mua hàng hóa, vật tư của doanh nghiệp được hưởng do thanh toán trước thời hạn phải thanh toán được tính trừ vào khoản nợ phải trả người bán:

Nợ TK 331: Phải trả người bán.

Có TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính.

h) Trường hợp các khoản nợ phải trả người bán không tìm ra chủ nợ hoặc chủ nợ không đòi và được xử lý ghi tăng thu nhập khác của doanh nghiệp:

Nợ TK 331: Phải trả người bán.

Có TK 711: Thu nhập khác.

i) Đối với nhà thầu chính, khi xác định giá trị xây lắp phải trả cho nhà thầu phụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết, căn cứ vào hóa đơn, phiếu giá công trình, biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành và hợp đồng giao thầu phụ:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán.

Nợ TK 133: Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.

Có TK 331: Phải trả cho người bán (tổng số tiền phải trả cho nhà thầu phụ bao gồm số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ).

j) Trường hợp doanh nghiệp nhận bán hàng đại lý, bán hàng đúng giá, hưởng hoa hồng:

- Khi nhận hàng bán đại lý, doanh nghiệp chủ động ghi chép và theo dõi thông tin về hàng nhận bán đại lý trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính.
- Khi bán hàng nhận đại lý, ghi:

Nợ TK 11, 112, 131: Tổng giá thanh toán.

Có TK 331: Phải trả người bán (giá bán giao bán đại lý + thuế).

Đồng thời doanh nghiệp theo dõi và ghi chép thông tin về hàng nhận bán đại lý đã bán được ghi trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

- Khi xác định hoa hồng đại lý được hưởng, tính vào doanh thu hoa hồng và bán hàng đại lý:

Nợ TK 331: Phải trả người bán.

Có TK 511: Doanh thu bán hàng.

Có TK 33331: Thuế GTGT đầu ra phải nộp.

- Khi thanh toán tiền cho bên giao hàng đại lý:

Nợ TK 331: Phải trả người bán (giá bán – hoa hồng đại lý).

Có TK 111, 112:

k) Kế toán phải trả cho người bán tại đơn vị giao ủy thác nhập khẩu:

- Khi trả trước 1 khoản tiền ủy thác mua hàng theo hợp đồng ủy thác nhập khẩu cho đơn vị nhận ủy thác nhập khẩu mở LC, căn cứ vào các chứng từ liên quan:

Nợ TK 331: Phải trả người bán (chi tiết cho từng đối tượng nhận ủy thác).

Có TK 111, 112: Phải trả người bán.

- Khi nhận hàng ủy thác nhập khẩu do bên nhận ủy thác giao trả, kế toán thực hiện như đối với hàng nhập khẩu thông thường.
- Khi trả tiền cho đơn vị nhận ủy thác nhập khẩu về số tiền nhập khẩu và các chi phí liên quan trực tiếp đến hàng nhập khẩu, căn cứ vào các chứng từ liên quan:

Nợ TK 331: Phải trả người bán (chi tiết cho từng đơn vị nhận ủy thác).

Có TK 111, 112: Phải trả người bán.

- Phí ủy thác nhập khẩu phải trả cho đơn vị nhận ủy thác được tính vào trị giá hàng nhập khẩu, căn cứ vào các chứng từ liên quan:

Nợ TK 151, 152, 156, 211...:

Nợ TK 133: Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.

Có TK 331: Phải trả người bán (chi tiết cho từng đơn vị nhận ủy thác).

- Việc thanh toán nghĩa vụ thuế đối với hàng nhập khẩu thực hiện theo quy định của TK 333 – Thuế phải nộp cho Nhà Nước.

Đơn vị nhận ủy thác không sử dụng TK 331 mà để phản ánh nghiệp vụ thanh toán ủy thác mà sử dụng TK 138, 338.

l) Khi lập Báo cáo tài chính, số dư nợ phải trả cho người bán bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Nếu tỷ ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam:

Nợ TK 331: Phải trả người bán.

Có TK 413: Chênh lệch tỷ giá hối đoái.

- Nếu tỷ ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam:

Nợ TK 413: Chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Có TK 331: Phải trả người bán.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ KẾ TOÁN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY THỦY ĐIỆN AN KHÊ – KA NAK

2.1. Khái quát chung về Công ty Thủy điện An Khê – Ka Nak

2.1.1. Trụ sở công ty

- Tên công ty: Công ty Thủy điện An Khê - KaNak
- Tên tiếng anh: An Khe – Ka Nak Hydro Power Company.
- Địa chỉ: 125 Tây Sơn, Quy Nhơn, Bình Định.
- Điện thoại: (0256)1222 118
- Giám đốc công ty: Đặng Văn Tuấn
- Kế toán trưởng: Đoàn Văn Châu
- Mã số thuế: 1800590430
- Email: tdak@akhpc.evn.vn



(Nguồn: www.akhpc.vn)



(Nguồn: www.akhpc.vn)

2.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty

Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) quyết định thành lập Ban Quản lý dự án Thủy điện 7 với nhiệm vụ quản lý dự án thủy điện An Khê – Ka Nak và dự án thủy điện sông Ba.

Hiện nay Công ty Thủy điện An Khê - Ka Nak là công ty nhà nước trực thuộc EVN có nhiệm vụ là quản lý vận hành 2 nhà máy thủy điện: Nhà máy thủy điện An Khê gồm 2 tổ máy, công suất mỗi tổ máy 80MW, Nhà máy thủy điện Ka- Nak gồm 2 tổ máy, công suất mỗi tổ máy 6,5MW.

Theo phương án thành lập Công ty Cổ phần được Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) phê duyệt, tháng 01/2008 Công ty Cổ phần Thủy điện An Khê – Ka Nak và Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba được thành lập thuộc Ban quản lý dự án Thủy điện 7. Ngày 18/01/2008, Đại hội đồng cổ đông lần đầu thành lập Công ty Cổ phần Thủy điện An Khê – Ka Nak đã thông qua điều lệ hoạt động, bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và định hướng phát triển Công ty.

Theo phương án tái cơ cấu Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) giai đoạn 2011-2015 được Bộ Công thương và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, EVN thực hiện giải thể 6 Công ty Cổ phần trong đó có Công ty Cổ phần Thủy điện An Khê – Ka Nak. Để phù hợp với mô hình quản lý mới và vận hành thị trường phát điện cạnh tranh, ngày

12/4/2011 Hội đồng thành viên EVN thành lập Công ty Thủy điện An Khê – Ka Nak theo Quyết định số 132/QĐ-EVN.

(Nguồn: www.akhpc.vn)

2.1.3. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

2.1.3.1. Loại hình kinh doanh và các loại hàng hóa, dịch vụ chủ yếu mà Công ty kinh doanh

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.
- Hoạt động tư vấn quản lí. Lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình, tư vấn hoạt động chuẩn bị sản xuất cho các nhà máy điện.

2.1.3.2. Thị trường đầu vào và đầu ra của Công ty

❖ Thị trường đầu vào

Do công ty chuyên sản xuất điện nên đầu vào của công ty chủ yếu là các công ty chuyên cung cấp các thiết bị điện như: Công ty TNHH thiết bị điện Tong Da Việt Nam; Công ty TNHH Kiệt Phát Đạt; Công ty TNHH Tân Nguyên Thịnh;...Đầu vào là các nguyên vật như : Aptomat, đường ống, dây điện,...Và một số vật liệu khác được mua chủ yếu tại địa bàn công ty hoạt động là thị trường tỉnh Bình Định và các tỉnh lân cận như Gia Lai, Phú Yên, TP. Hồ Chí Minh,..

❖ Thị trường đầu ra

Chuyên cung cấp điện cho người dân trên địa bàn tỉnh, thực hiện tốt công tác xả lũ để tránh tình trạng ngập lụt xảy ra; tư vấn giám sát các công trình, dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh, truyền tải điện đến các vùng nông thôn giúp đỡ người nghèo khó,...

2.1.3.3. Vốn kinh doanh của Công ty

- Nguồn vốn là điều kiện tiên quyết hàng đầu khi khởi tạo doanh nghiệp và tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh. Nó phản ánh nguồn lực tài chính được đầu tư vào công ty phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh.
- Năm 2020, Công ty Thủy điện An Khê- Ka NaK có tổng nguồn vốn kinh doanh là 15.828.360.680 đồng. Trong đó, vốn chủ sở hữu chiếm 73,71 %, vốn vay chiếm 16,29 % trong tổng số vốn đầu tư.
- Như vậy, nguồn vốn kinh doanh của công ty phần lớn là vốn tự có.

2.1.3.4.Đặc điểm của các nguồn lực chủ yếu của Công ty

❖ Đặc điểm về tài sản cố định

Để góp phần làm cho quá trình kinh doanh có kết quả tốt và đạt hiệu quả cao thì đòi hỏi công ty phải trang bị một hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại. Hiện nay, TSCĐ của công ty gồm có: Máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, truyền dẫn; thiết bị dụng cụ quản lý,... Và công ty cũng không ngừng mở rộng quy mô, mua sắm thêm thiết bị mới để góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất.

➤ Nguyên giá TSCĐ:

- Nguyên giá TSCĐ: 3.355. 451. 077 đồng
- Giá trị hao mòn: 1. 492. 157. 417 đồng
- Giá trị còn lại: 1.345.125.660 đồng

Bảng 2.1: Bảng kê chi tiết nhóm tài sản cố định năm 2020

(ĐVT: đồng)

STT	Tên TSCĐ	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại	Tỷ lệ %
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	1.540.090.754	1.098.058.139	442.032.615	45,89
2	Máy móc, thiết bị	1.403.486.790	1.035.762.580	367.724.210	41,83
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	209.602.138	167.059.008	425.431.130	6,25
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	202.271.395	191.277.690	109.937.705	6,03
	Tổng	3.355.451.077	2.492.157.417	1.345.125.660	100

(Nguồn: Phòng Tài chính- Kế toán)

Qua số liệu bảng 2.1 ta thấy rằng TSCĐ của công ty chủ yếu là: Nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị. Cụ thể:

- Nhà cửa, vật kiến trúc chiếm tỷ trọng là 45,89 %.
- Máy móc, thiết bị chiếm tỷ trọng là 41,83 %.
- Phương tiện vận tải và truyền dẫn chiếm tỷ trọng là 6,25 %.
- Còn lại 6,03 % là thuộc về thiết bị dụng cụ quản lý.

❖ Đặc điểm về lao động

Trong các nguồn lực của một doanh nghiệp thì chất lượng nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng làm nên sự hiệu quả của quá trình sản xuất kinh doanh. Lao động là vấn đề hết sức quan tâm để sử dụng sao cho hợp lí, tiết kiệm và quan trọng là nâng cao hiệu quả sản xuất.

Bảng 2.2: Tình hình lao động của công ty 2020

Tiêu thức phân bổ	Số người	Tỷ lệ
Phân theo tính chất sản xuất	169	
<i>Lao động trực tiếp</i>	15	8.9%
<i>Lao động gián tiếp</i>	154	91,1%
Phân theo trình độ lao động	169	
<i>Đại học, cao đẳng</i>	120	71%
<i>Trung cấp</i>	45	26,63%
<i>Lao động phổ thông</i>	4	2,37%
Phân theo giới tính	169	
<i>Lao động nam</i>	89	52,66%
<i>Lao động nữ</i>	80	47.34%
Tổng lao động	169	

(Nguồn: Phòng Tài chính- Kế toán)

Nhận xét:

Dựa vào bảng tình hình lao động của công ty ta thấy lao động chủ yếu của công ty là lao động trực tiếp đối với công ty chiếm 8.9 %. Cơ cấu lao động theo giới tính, do đặc thù công việc ngành sản xuất đòi hỏi sức khỏe và sự chịu khó nên công ty sử dụng lao động nam nhiều hơn lao động nữ, tỷ trọng lao động nam chiếm 52,66 % so với 47,34 % lao động nữ.

Còn xét về trình độ chuyên môn, tay nghề công ty chủ yếu là lao động có trình độ đại học, cao đẳng; một số ít lao động phổ thông còn lại là trung cấp. Cho thấy ngành nghề này đòi hỏi nhiều lao động có trình độ học vấn và kiến thức sâu rộng.

2.1.4. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty

❖ Chức năng

Quản lý vận hành nhà máy thủy điện An Khê - Ka Nak; Quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình thi công, kiến trúc của nhà máy điện; thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện, gia công cơ khí. Thực hiện công tác chuẩn bị sản xuất cho các công trình thủy điện mới khi được EVN giao.

Sản xuất và kinh doanh điện năng; tham gia thị trường phát điện cạnh tranh; tư vấn lắp ráp và thẩm định dự án đầu tư xây dựng; tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (bao gồm cả lắp thiết bị công nghệ); tư vấn lập và thẩm định hồ sơ mời thầu; đánh giá hồ sơ dự thầu về thiết kế, xây dựng, mua sắm vật tư thiết bị; tư vấn lập và thẩm định thiết kế, dự toán, tổng dự toán công trình.

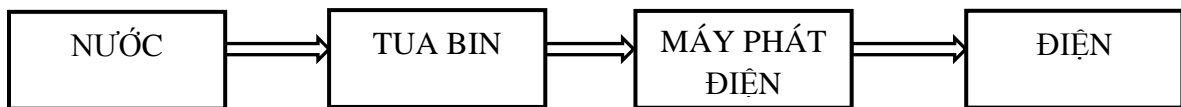
❖ **Nhiệm vụ**

Công ty Thủy điện An Khê – Ka Nak là một đơn vị trực tiếp sản xuất ra điện cho xã hội và tổ chức thực hiện kế hoạch nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường, đóng góp một phần vào ngân sách nhà nước, cải thiện đời sống của người dân, do đó Công ty có những nhiệm vụ chính như sau: Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy thủy điện; xây lắp các công trình điện và công trình xây dựng; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; cho thuê văn phòng; tổ chức dịch vụ du lịch; nuôi trồng, chế biến, xuất khẩu nông lâm thủy sản.

2.1.5. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý tại Công ty Thủy điện An Khê - Ka Nak

2.1.5.1. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh tại công ty

❖ **Quy trình công nghệ sản xuất**

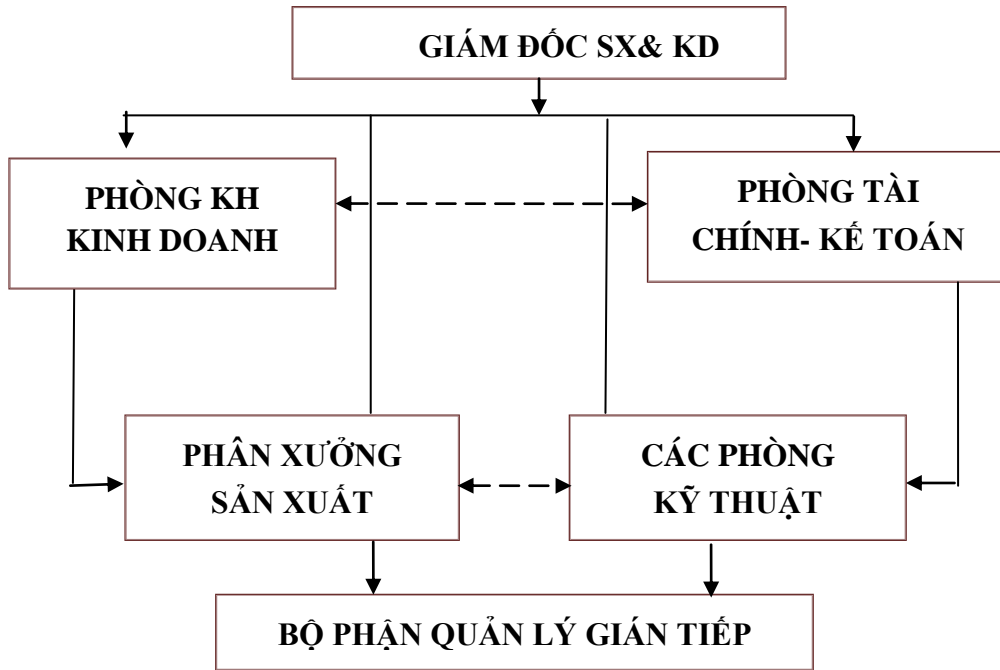


Sơ đồ 2.1: Quy trình sản xuất điện tại nhà máy thủy điện

(Nguồn: Phòng tài chính- kế toán)

Giải thích: Thủy điện là nguồn điện có được từ năng lượng nước. Nhà máy thủy điện dùng năng lượng dòng chảy của sông suối để sản xuất điện năng. Thủy điện được xây dựng bằng cách tận dụng độ dốc tự nhiên của sông. Năng lượng thủy điện có được từ thế năng của nước được tích tại các đập nước làm quay một tuốc bin nước và máy phát điện. Phần lớn điện năng được sản xuất bởi máy phát điện tại các nhà máy điện, máy phát điện được nối với tuabin, chuyển động quay của tuabin dẫn đến chuyển động quay của máy phát điện và tạo ra điện.

❖ **Cơ cấu sản xuất kinh doanh của công ty**



Sơ đồ 2.2: Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh

(Nguồn: Phòng Tài chính- Kế toán)

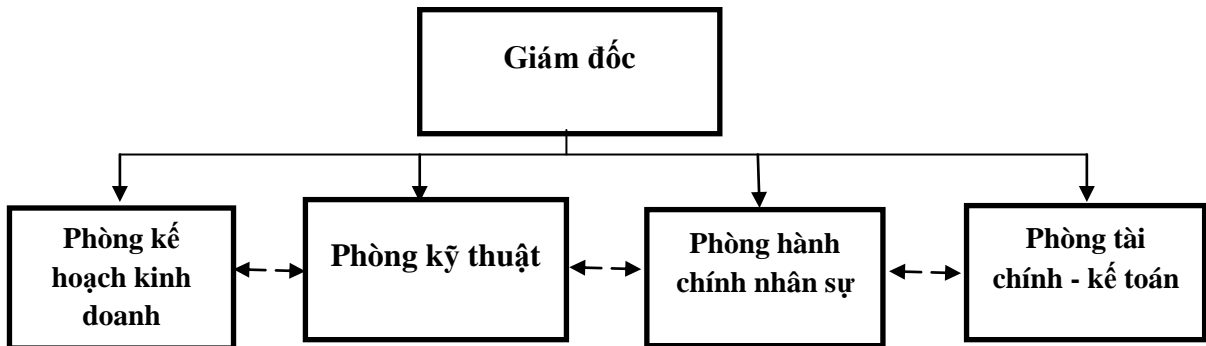
Ghi chú:

Quan hệ trực tuyến: —————>

Quan hệ chức năng: <----->

2.1.5.2. Đặc điểm tổ chức quản lý của công ty

❖ Sơ đồ tổ chức quản lý của công ty



Sơ đồ 2.3: Cơ cấu tổ chức quản lý

(Nguồn: Phòng Tài chính-kế toán)

Chú thích: Quan hệ trực tiếp —————>

Quan hệ gián tiếp <----->

❖ **Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận**

Giám đốc công ty: là người trực tiếp lãnh đạo, điều hành hoạt động của công ty qua bộ máy lãnh đạo của công ty. Giám đốc là người chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về mọi hoạt động của công ty, các quan hệ nội và đối ngoại, hoạt động của công ty.

Phòng hành chính nhân sự: giúp giám đốc phụ trách công tác quản lý cán bộ công nhân viên theo dõi công tác các bộ, quản lý nhân sự, lập kế hoạch lao động về tiền lương, giải quyết chính sách về bồi dưỡng, đào tạo, tuyển dụng nhân viên mới, tuyển chọn khen thưởng... và vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người lao động.

Phòng tài chính - kế toán: có nhiệm vụ theo dõi và phản ánh lên sổ sách kế toán trên các chứng từ hàng ngày. Tổng hợp kết quả kinh doanh, lập báo cáo kế toán định kỳ. Đồng thời thông tin cho ban lãnh đạo những hoạt động tài chính, những thông tin cần thiết để kịp thời điều chỉnh quá trình hoạt động kinh doanh của công ty.

Phòng kế hoạch kinh doanh: có nhiệm vụ khai thác các nguồn hàng, điều chuyển về công ty và phân phối giữa các cửa hàng, đại lý. Thực hiện công tác khảo sát thị trường tìm hướng phát triển mặt hàng kinh doanh, xây dựng chính sách kế hoạch và phát triển thực hiện. Phòng kế hoạch kinh doanh còn tổ chức và xây dựng mạng lưới lưu thông, phân phối vật tư, lập báo cáo tình hình kinh doanh và kế hoạch phát triển nộp lên cấp trên.

Phòng kỹ thuật: Có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh. Theo dõi tiến độ sản xuất kinh doanh của các tổ, đội phối hợp với các phòng ban nhằm tham mưu cho lãnh đạo phân xưởng khi ra các quyết định điều hành sản xuất kinh doanh.

2.1.6. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 3 năm 2018-2019-2020

Bảng 2.3: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn 2018-2020

(ĐVT: Đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1. Tổng doanh thu	8.248.033.620	12.076.435.210	5.124.376.005
2. Tổng chi phí	8.046.984.902	11.821.292.140	5.092.333.091
3. LN TT	201.048.718	255.143.070	32.042.914
4. Thuế TNDN (20%)	40.209.744	51.028.614	6.408.582,8
5. LN ST	160.838.974	204.114.456	25.634.331,2

(Nguồn: Phòng Tài chính- kế toán)

Qua số liệu ở bảng trên ta thấy doanh thu của 3 năm 2018 –2019 -2020 không ổn định. Doanh thu năm 2019 tăng lên so với năm 2018 là 3.828.401.590 đồng, tương ứng với tốc độ tăng là 46,416 % điều này cho thấy công ty đã nỗ lực trong việc thúc đẩy mạng lưới kinh doanh cũng như mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh. Năm 2020 giảm đi 6.952.059.205 đồng so với năm 2019, tương ứng với tốc độ giảm là 57,567 % điều này cho thấy doanh nghiệp đang gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh, do ảnh hưởng của đại dịch Covid, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ thực hiện giãn cách xã hội và tránh tụ tập đông người đã làm cho Công ty mất đi nhiều khoản thu. Do số lượng khách hàng giảm xuống, việc thực hiện các dự án đấu thầu cũng ảnh hưởng theo. Bên cạnh đó doanh nghiệp còn thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân trong năm 2020 bằng việc tuyên truyền vận động người dân chung tay bảo vệ sức khỏe và thực hiện giảm 10 %/ tổng 3 tháng tiền điện cho mỗi hộ dân. Tóm lại, năm 2020 là năm mà công ty có lợi nhuận thấp nhất từ trước đến giờ, trước những khó khăn và những thử thách này dù kết quả mang lại hơi tiêu cực nhưng cũng phần nào cho thấy công ty đã rất nỗ lực và phấn đấu hết mình.

2.2. Tổng quan về công tác kế toán tại Công ty Thủy điện An Khê – Ka NaK

2.2.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

❖ Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

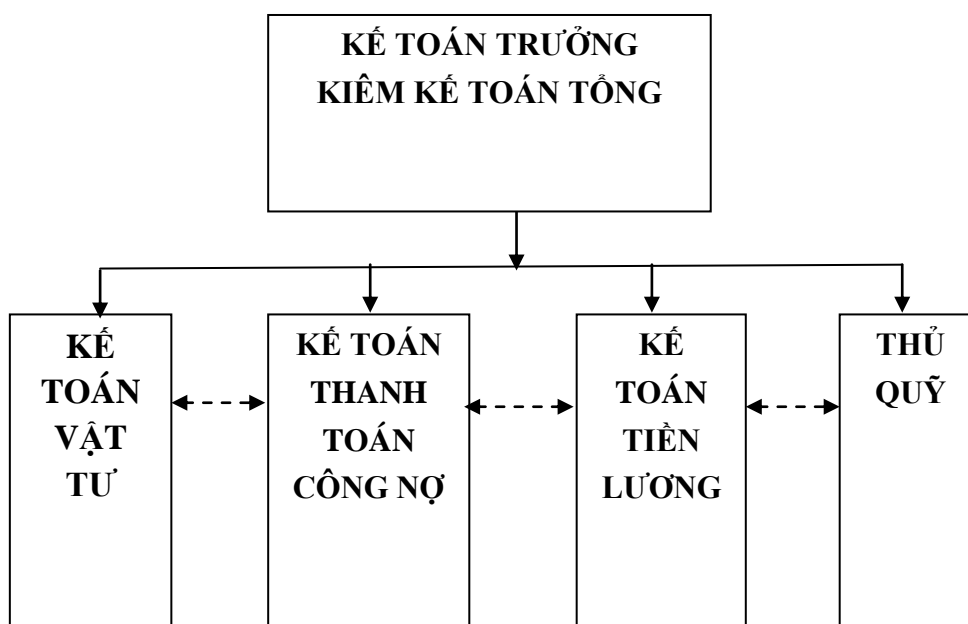
Xuất phát từ đặc điểm tổ chức hoạt động kinh doanh cũng như điều kiện và trình độ quản lý, công ty tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung. Phòng kế toán công ty là nơi tập trung xử lý và tổng hợp số liệu kế toán của công ty. Công ty Thủy điện An Khê- Ka NaK tổ chức bộ máy kế toán đơn giản để thuận tiện cho việc theo dõi của ban giám đốc.

Phòng kế toán công ty có nhiệm vụ chủ yếu là tập hợp các tài liệu kế toán, thực hiện các nghiệp vụ kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết đối với các nghiệp vụ kế toán tài chính có liên quan đến hoạt động của toàn công ty.

Mọi công tác kế toán của công ty được triển khai thực hiện đều do kế toán trưởng thực hiện dưới sự chỉ đạo của công ty.

Phòng kế toán có 10 người, trong đó có 1 kế toán trưởng, 1 kế toán vật tư, 1 kế toán thanh toán công nợ, 1 thủ quỹ, 1 kế toán tiền lương và 5 nhân viên kế toán còn lại là kế toán viên hỗ trợ nhập liệu cho các phần hành trên.

❖ **Bộ máy kế toán của công ty**



Sơ đồ 2.4: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

(Nguồn: Phòng Tài chính- Kế toán)

Ghi chú:

Quan hệ chỉ đạo: —————>

Quan hệ nghiệp vụ: <--->

❖ **Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp (Đoàn Văn Châu):** là người lãnh đạo toàn bộ công tác kế toán của Công ty, kế toán trưởng chịu sự kiểm tra tổng hợp số liệu trên các chứng từ gốc đưa vào sổ sách tổng hợp, lập kế hoạch tài chính hàng tháng, quý, năm cân đối giữa các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và tổ chức báo cáo kế toán cho cấp trên và các ngành chức năng theo quy định, theo dõi công tác hạch toán nội bộ, kê khai các loại thuế hàng tháng, năm theo quy định của Nhà nước: lập tờ khai thuế, quyết toán các loại thuế của công ty theo quy định: thuế GTGT, TNDN, TNCN..., làm báo cáo kết quả kinh doanh.

❖ **Kế toán thanh toán công nợ (Đặng Châu Tân):** theo dõi và thanh toán tiền lương và các khoản phụ cấp cho cán bộ công nhân viên, theo dõi tình hình tạm ứng các khách hàng của Công ty. Ngoài ra còn lập phiếu thu, chi tiền mặt theo chứng từ và cuối tháng lập báo cáo quyết toán sổ quỹ tiền mặt.

❖ **Kế toán tiền lương (Phan Thị Mỹ Hạnh):** Theo dõi và phản ánh tình hình về số lượng lao động, bảng chấm công tiền lương và bảo hiểm. Hàng tháng tính lương của công nhân theo đúng chế độ và phát lương cho công nhân.

❖ **Kế toán vật tư (Nguyễn Thị Thu Hà):** Là người trực tiếp có nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra, đối chiếu vật tư tại phân xưởng và của công ty, tổ chức việc thực hiện đối chiếu vật tư, thành phẩm ở phân xưởng, quản lý hàng nhập xuất, phản ánh số lượng và giá trị hiện có và tình hình tăng giảm từng loại vật tư.

❖ **Thủ quỹ (Đỗ Ngọc Tuấn):** có nhiệm vụ quản lý tiền mặt của công ty, thực hiện thu chi tiền mặt khi có chứng từ, hóa đơn thanh toán hợp lệ. Căn cứ vào phiếu thu, chi của kế toán thanh toán để đối chiếu vào sổ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tính số tiền tồn quỹ. Đối chiếu tiền mặt tồn quỹ thực tế với số tồn quỹ trên sổ kế toán.

2.2.2. Hình thức kế toán mà công ty áp dụng

Hình thức kế toán mà công ty áp dụng là hình thức Chứng từ ghi sổ.

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ tổng hợp ghi theo trình tự thời gian trên sổ “Đăng ký chứng từ ghi sổ” và ghi theo nội dung kinh tế trên sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ được kế toán lập trên cơ sở chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại. Chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục trong từng tháng hoặc cả năm, có chứng từ kế toán đính kèm và phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

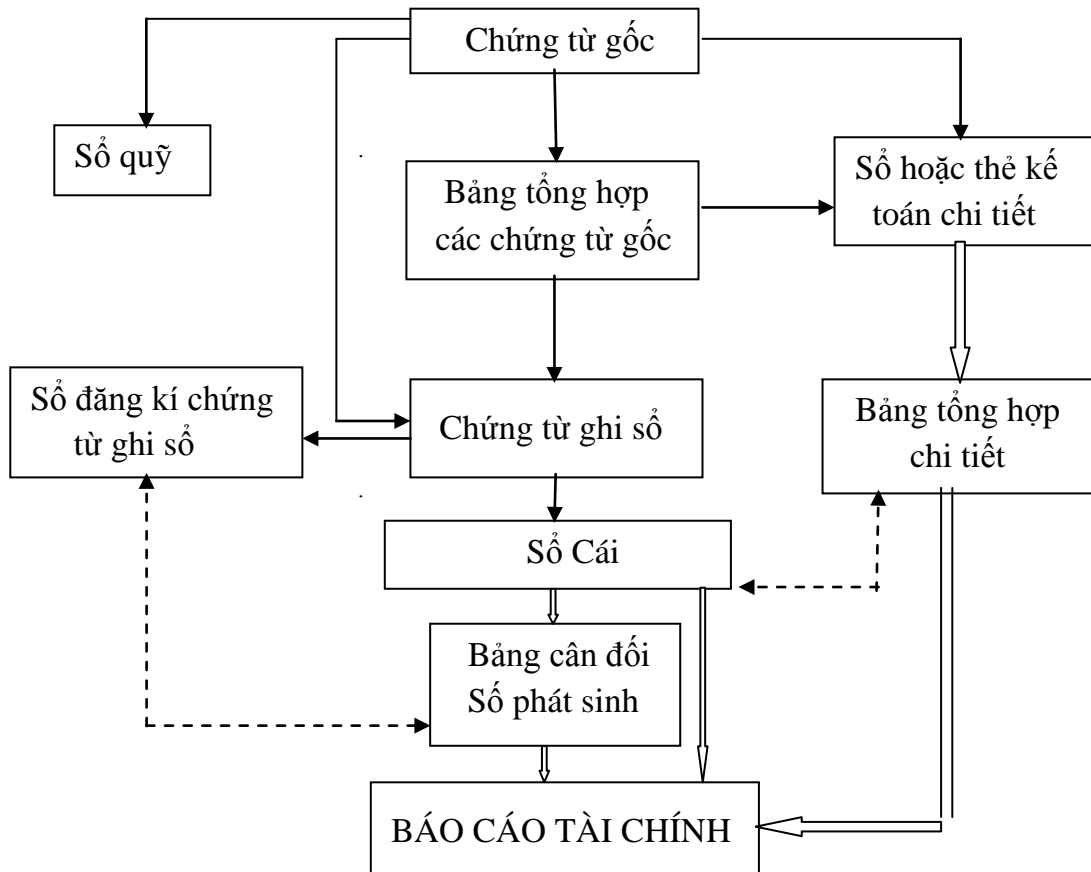
❖ Trình tự ghi sổ:

Hàng ngày, căn cứ vào phiếu thu, phiếu chi kế toán tiền mặt ghi vào sổ quỹ tiền mặt. Căn cứ vào phiếu nhập kho, hóa đơn kiêm phiếu xuất kho kế toán hàng hóa ghi vào sổ, thẻ chi tiết các đối tượng có liên quan.

Từ các chứng từ ghi sổ ta tổng hợp lên sổ Cái. Sổ Cái là mẫu sổ được lập theo quy định của nhà nước sử dụng theo dõi tổng hợp từng tài khoản, căn cứ đối chiếu với bảng tổng hợp chi tiết.

Cuối tháng kế toán căn cứ vào chứng từ ghi sổ ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái và sổ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết.

Cuối quý kế toán căn cứ vào sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh đối chiếu với sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và từ bảng tổng hợp chi tiết sau khi đã đối chiếu sổ cái, kế toán lập báo cáo tài chính.



Sơ đồ 2.5. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức “chứng từ ghi sổ” tại công ty

(Nguồn: Phòng Tài chính- Kế toán)

- Chú thích:**
- > Ghi hằng ngày
 - ====> Ghi cuối tháng, cuối quý
 - ←- - - -> Quan hệ đối chiếu

2.2.3. Một số chính sách kế toán áp dụng tại công ty

- Niên độ kế toán: từ ngày 01/01/N đến ngày 31/12/N
- Kỳ kế toán: Quý
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam
- Chế độ kế toán công ty áp dụng: theo thông tư 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014.
- Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Phương pháp đường thẳng
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ

2.3. Thực trạng kế toán phải thu khách hàng và kế toán phải trả người bán tại Công ty Thủy điện An Khê - Ka Nak

2.3.1 Kế toán các khoản phải thu khách hàng

❖ Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng tài khoản 131- Phải thu khách hàng.

❖ Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng

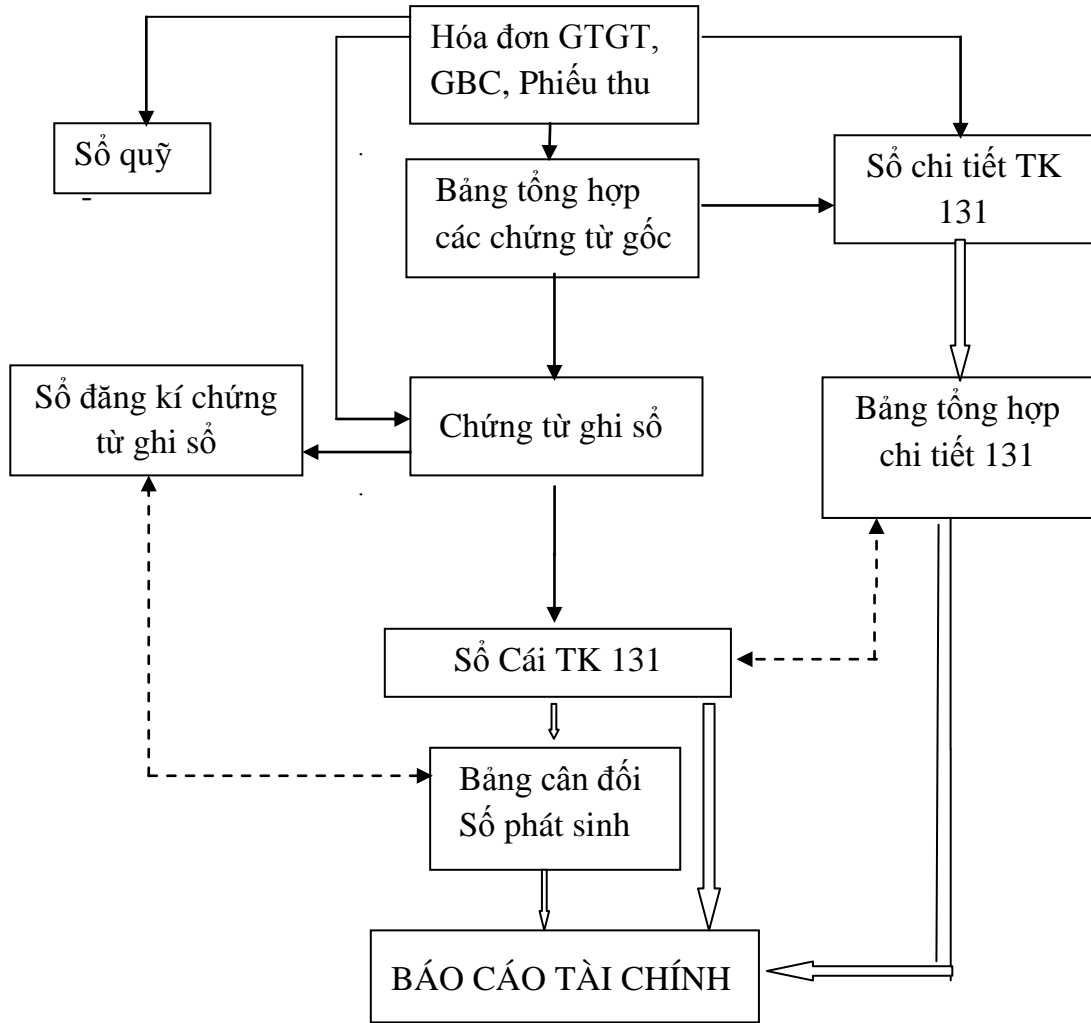
- Hóa đơn GTGT.
- Giấy báo Có.
- Phiếu thu.
- Bảng tổng hợp công nợ phải thu khách hàng.
- Sổ chi tiết tài khoản 131, Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ cái tài khoản 131 và các chứng từ liên quan khác.

❖ Trình trình tự ghi sổ

Hàng ngày kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT, giấy báo Có, phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan đã được kiểm tra tính hợp lệ để ghi vào sổ Chứng từ ghi sổ, đồng thời sử dụng các chứng từ này để ghi sổ chi tiết thanh toán với người mua.

Từ Sổ Chứng từ ghi sổ lấy số liệu để ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, cuối cùng đưa số liệu lên sổ Cái tài khoản 131 – Phải thu khách hàng, để theo dõi tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của công ty.

Cuối tháng cộng sổ kế toán chi tiết để lấy số liệu lập bảng tổng hợp theo dõi chi tiết theo đối tượng khách hàng. Đối chiếu số liệu trên sổ chi tiết theo dõi khách hàng với sổ Cái tài khoản phải thu khách hàng. Căn cứ vào số liệu ghi trên sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết, kế toán tiến hành cộng sổ Cái để lập Bảng Cân đối số phát sinh và làm căn cứ để lập Báo cáo tài chính.



Sơ đồ 2.6: Trình tự ghi sổ kế toán phải thu khách hàng theo hình thức “chứng từ ghi sổ” tại công ty

Chú thích: \longrightarrow Ghi hàng ngày
 \Longrightarrow Ghi cuối tháng, cuối quý
 \longleftrightarrow Quan hệ đối chiếu

❖ *Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trực tiếp tại công ty và quy trình luân chuyển chứng từ của chúng:*

Trong quý 04 năm 2020 tại công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các khoản phải thu khách hàng, như sau:

Số dư đầu kì: 114.500.992 đồng

Nghiệp vụ 1: Ngày 18/10/2020 Giá trị hoàn thành đợt 1 công trình cấp thoát nước theo HĐ 10/2018/HĐXL ngày 16/02/2018 trị giá 622.926.740 đồng chưa thuế (VAT 10%) hạch toán vào khoản phải thu Công ty cổ phần đầu tư xây dựng dầu khí INDICO.

- Mô tả Hóa đơn GTGT, Biên bản nghiệm thu, Phiếu đề nghị thanh toán

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: NA/20P			
Liên 2: Giao khách hàng		Số:0000122			
Ngày 18 tháng 10 năm 2020					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY THỦY ĐIỆN AN KHÊ - KA NAK					
Mã số thuế: 1800590430					
Địa chỉ: 125 Tây Sơn, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn, T.Bình Định					
Điện thoại: 02562222118					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Thanh Hòa					
Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ INDICO					
Mã số thuế: 0302177966					
Địa chỉ: 151 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.					
Hình thức thanh toán:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Giá trị hoàn thành đợt 1 công trình cấp thoát nước theo HĐ 10/2018/HĐXL ngày 16/02/2018			622.926.740	622.926.740
Cộng tiền hàng:					622.926.740
Thuế suất GTGT: 10%, Tiền thuế GTGT:					62.292.674
Tổng cộng tiền thanh toán					685.219.414
Số tiền viết bằng chữ: Sáu trăm tám mươi lăm triệu hai trăm mười chín nghìn bốn trăm mười bốn đồng.					
Người mua hàng			Người bán hàng		
Nguyễn Thanh Hòa			Huỳnh Văn Tư		

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc***Quy Nhơn, ngày 18 tháng 10 năm 2020***BIÊN BẢN NGHIỆM THU****GIẢI ĐOẠN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CẤP THOÁT NƯỚC**

Dự án: Xây dựng hệ thống cấp thoát nước cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng dầu khí INDICO
theo HĐ 10/2018/HĐXL ký ngày 16/02/2018.

I. HẠNG MỤC NGHIỆM THU:

Hồ sơ thiết kế xây dựng hệ thống cấp thoát nước được chủ đầu tư phê duyệt.

Chúng tôi gồm:

THÀNH PHẦN THAM GIA NGHIỆM THU:**Chủ đầu tư:**

Tên đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng dầu khí INDICO

Địa chỉ: 151 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện: Ông Đỗ Mạnh Hùng

Chức vụ: Tổng giám đốc

Đơn vị tư vấn thiết kế:

Tên đơn vị: Công ty Thủy điện An Khê – Ka Nak

Địa chỉ: Số 125, đường Tây Sơn, Phường Quang Trung, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Đại diện: Ông Đặng Văn Tuấn

Chức vụ: Giám đốc

II. NỘI DUNG NGHIỆM THU:

Hai bên thống nhất ký biên bản nghiệm thu theo HĐ 10/2018/HĐXL ký ngày 16/02/2018 với nội dung như sau:

1. Đối tượng nghiệm thu: Giai đoạn thiết kế ý tưởng xây dựng hệ thống cấp thoát nước cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng dầu khí INDICO.

2. Đánh giá giai đoạn thiết kế đã thực hiện:**a) Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:**

- Hồ sơ thiết kế ý tưởng
- Quy chuẩn, tiêu chuẩn được xây dựng áp dụng: TCVN
- Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật kèm theo hợp đồng xây dựng

b) Về chất lượng giai đoạn thiết kế:

- Chất lượng thiết kế đạt theo yêu cầu của Chủ đầu tư và các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

III. KẾT LUẬN

Đồng ý nghiệm thu hồ sơ, cho phép chuyển qua giai đoạn thiết kế tiếp theo

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 1 bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

CÔNG TY CP ĐTXD DK INDICO

CÔNG TY THỦY ĐIỆN AN KHÊ - KA NAK

TỔNG GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

Đỗ Mạnh Hùng

Đặng Văn Tuấn

CÔNG TY THỦY ĐIỆN AN KHÊ - KA NAK

Địa chỉ: 125 Tây Sơn, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định

SĐT: (0256)1222 118

Email: tdak@akhpc.evn.vn

PHIẾU ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Về việc: **Thiết kế ý tưởng xây dựng hệ thống cấp thoát nước cho Công ty CPĐT XD dầu khí INDICO**

Số/No:1020-1810

Ngày/Date: 18/10/2020

Kính gửi: CÔNG TY CPĐT XD DẦU KHÍ INDICO

Trụ sở chính: 151 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

SĐT: 02353 927 345

Thưa quý công ty,

Căn cứ HĐ số 10/2018/HĐXL ký ngày 16/02/2018 về việc "Thiết kế ý tưởng xây dựng hệ thống cấp thoát nước cho Công ty CPĐT XD dầu khí INDICO"

Kính đề nghị công ty thanh toán theo điều số 02 Phụ lục số 04 đã ký cho công ty chúng tôi như sau:

Nội dung	Số tiền
Thanh toán đợt 1. Theo HĐ số 10/2018/HĐXL ký ngày 16/02/2018 về việc "Thiết kế ý tưởng xây dựng hệ thống cấp thoát nước cho Công ty CPĐT XD dầu khí INDICO" giữa Công ty CPĐT XD dầu khí INDICO và Công ty Thủy điện An Khê - Ka NaK	685.219.414
Tổng cộng	685.219.414

Bằng chữ: Sáu trăm tám mươi lăm triệu hai trăm mười chín nghìn bốn trăm mười bốn đồng.**Đơn vị thụ hưởng: CÔNG TY THỦY ĐIỆN AN KHÊ - KA NAK****Số tài khoản:** 711A 0567 0001**Tên ngân hàng:** Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bình Định

Rất mong nhận được khoản thanh toán của quý khách theo quy định của Hợp đồng

Trân trọng!

Hồ sơ thanh toán gồm:

CÔNG TY THỦY ĐIỆN AN KHÊ - KA NAK

1/ Đề nghị thanh toán


Tổng giám đốc

2/ Hóa đơn GTGT

Đặng Văn Tuấn

Nghiệp vụ 2: Ngày 21/10/2020 Công ty CP ĐTXD dầu khí INDICO thực hiện thanh toán Đợt 1 giá trị công trình xây dựng hệ thống cấp thoát nước cho Công ty Thủy điện An Khê - Ka NaK bằng chuyển khoản . TK VTB (711A 0567 0001) đã nhận giấy báo Có của ngân hàng.

- Mô tả giấy báo Có.

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam			
GIẤY BÁO CÓ			
Số: 01341			
		Ngày in: 21/10/2020	
		Giờ in: 15:30:22	
Số tài khoản: 711A 0567 0001			
Tên tài khoản: CÔNG TY THỦY ĐIỆN AN KHÊ - KA NAK			
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam xin trân trọng thông báo: tài khoản của quý khách đã được ghi có với nội dung sau:			
Ngày giờ hiệu lực	Số tiền	Loại tiền	Diễn giải
21/10/2020 15:30:22	685.219.414	VNĐ	Công ty CP ĐTXD dầu khí INDICO (STK: 711A 5060 1171) thanh toán Đợt 1 giá trị công trình xây dựng hệ thống cấp thoát nước cho Công ty Thủy điện An Khê – Ka NaK.
Giao dịch viên		Kiểm soát	
Nguyễn Thu Hằng		Đào Văn Chương	

❖ Ghi sổ kế toán chi tiết, sổ tổng hợp và sổ cái tài khoản 131:

Công ty Thủy điện An Khê - Ka NaK**Mẫu số S31-DN**

125 Tây Sơn, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI KHÁCH HÀNG****Tài khoản: 1311- INDICO****Đối tượng: Công ty CP ĐTXD dầu khí INDICO****(ĐVT: đồng)**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	T.hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					114.500.992	
18/10	HĐ0000122	18/10	Giá trị hoàn thành công trình đội 1 của công ty CP ĐTXD dầu khí INDICO	51121		622.926.740		737.427.732	
18/10	HĐ0000122	18/10	Thuế GTGT theo HĐ0000122	33311		62.292.674		799.720.406	
21/10	GBC01341	21/10	Thu tiền công ty CP ĐTXD dầu khí INDICO bằng chuyển khoản	1121			685.219.414	114.500.992	
			Cộng số phát sinh			685.219.414	685.219.414		
			Số dư cuối kỳ					114.500.992	

Bình Định, ngày 21 tháng 10 năm 2020

Người ghi sổ**Kế toán trưởng****Giám đốc****Nguyễn Thị Thu Hà****Đoàn Văn Châu****Đặng Văn Tuấn**

Công ty Thủy điện An Khê - Ka NaK

125 Tây Sơn, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định

Mẫu số S31-DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI KHÁCH HÀNG***Quý 04 năm 2020**(ĐVT: đồng)*

STT	Tên nhà cung cấp	Số dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty CP ĐTXD dầu khí INDICO	114.500.992		685.219.414	685.219.414	114.500.992	
	Cộng	114.500.992		685.219.414	685.219.414	114.500.992	

*Bình Định, ngày 28 tháng 12 năm 2020***Người ghi sổ****Kế toán trưởng****Giám đốc****Nguyễn Thị Thu Hà****Đoàn Văn Châu****Đặng Văn Tuấn**

Công ty Thủy điện An Khê – Ka NaK**Mẫu số S02a- DN**

125 Tây Sơn, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***CHỨNG TỪ GHI SỔ****Số: 01**

Loại chứng từ: Hóa đơn GTGT đầu ra

Ngày 18 tháng 10 năm 2020

(ĐVT: Đồng)

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có		
HĐ0000122	18/10	Giá trị hoàn thành đợt 1 công trình cấp thoát nước theo HĐ số 10/2018/HĐXL ngày 16/02/2018 của Công ty ĐTXD dầu khí INDICO	1311- INDICO	51121	622.926.740	
HĐ0000122	18/10	Thuế GTGT theo HĐ0000122	1311- INDICO	33311	62.292.674	
		Cộng SPS			685.219.414	

*Kèm theo 1 chứng từ gốc**Bình Định, ngày 18 tháng 10 năm 2020***Người lập****Kế toán trưởng****Nguyễn Thị Thu Hà****Đoàn Văn Châu**

Công ty Thủy điện An Khê – Ka NaK**Mẫu số S02a- DN**

125 Tây Sơn, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***CHỨNG TỪ GHI SỔ****Số: 02**

Loại chứng từ: Giấy báo Có

Ngày 21 tháng 10 năm 2020

(ĐVT: Đồng)

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có		
GBC02345	21/10	Thu tiền hoàn thành đợt 1 công trình cấp thoát nước theo HĐ số 10/2018/HĐXL ngày 16/02/2018 của Công ty ĐTXD dầu khí INDICO	1121	1311-INDICO	685.219.414	
		Cộng SPS			685.219.414.	

*Kèm theo 1 chứng từ gốc**Bình Định, ngày 21 tháng 10 năm 2020***Người lập****Kế toán trưởng****Nguyễn Thị Thu Hà****Đoàn Văn Châu**

Công ty Thủy điện An Khê – Ka NaK**Mẫu số S02b- DN**

125 Tây Sơn, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ***Quý 04 năm 2020***(ĐVT: Đồng)**

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
01	18/10/2020	685.219.414
02	21/10/2020	685.219.414
Cộng phát sinh		1.370.438.828

- Sổ này có.... Trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...
- Ngày mở sổ: 18/10/2020.

*Bình Định, ngày 21 tháng 10 năm 2020***Người lập sổ****Kế toán trưởng****Giám đốc****Nguyễn Thị Thu Hà****Đoàn Văn Châu****Đặng Văn Tuần**

Công ty Thủy điện An Khê – Ka NaK

Mẫu số S02c1- DN

125 Tây Sơn, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**SỔ CÁI****Tên tài khoản: Phải thu khách hàng****Số hiệu: 131****Quý 04 năm 2020****(ĐVT: Đồng)**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	
			Số dư đầu tháng		114.500.992		
28/12	01	18/10	Giá trị hoàn thành đợt 1 công trình cấp thoát nước của Công ty CP ĐTXD dầu khí INDICO	51121	622.926.740		
28/12	01	18/10	Thuế GTGT theo HĐ0000122	1331	62.292.674		
28/12	02	21/10	Thu tiền hoàn thành đợt 1 công trình cấp thoát nước của Công ty CP ĐTXD dầu khí INDICO	112		685.219.414	
			Cộng số phát sinh		685.219.414	685.219.414	
			Số dư cuối quý		114.500.992		

Bình Định, ngày 28 tháng 12 năm 2020

Người lập sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hà

Đoàn Văn Châu

Đặng Văn Tuấn

2.3.2. *Kế toán các khoản phải trả người bán*

❖ *Tài khoản sử dụng*

Kế toán sử dụng tài khoản 331- Phải trả người bán.

❖ *Hoạt động liên quan đến tài khoản 331- phải trả người bán.*

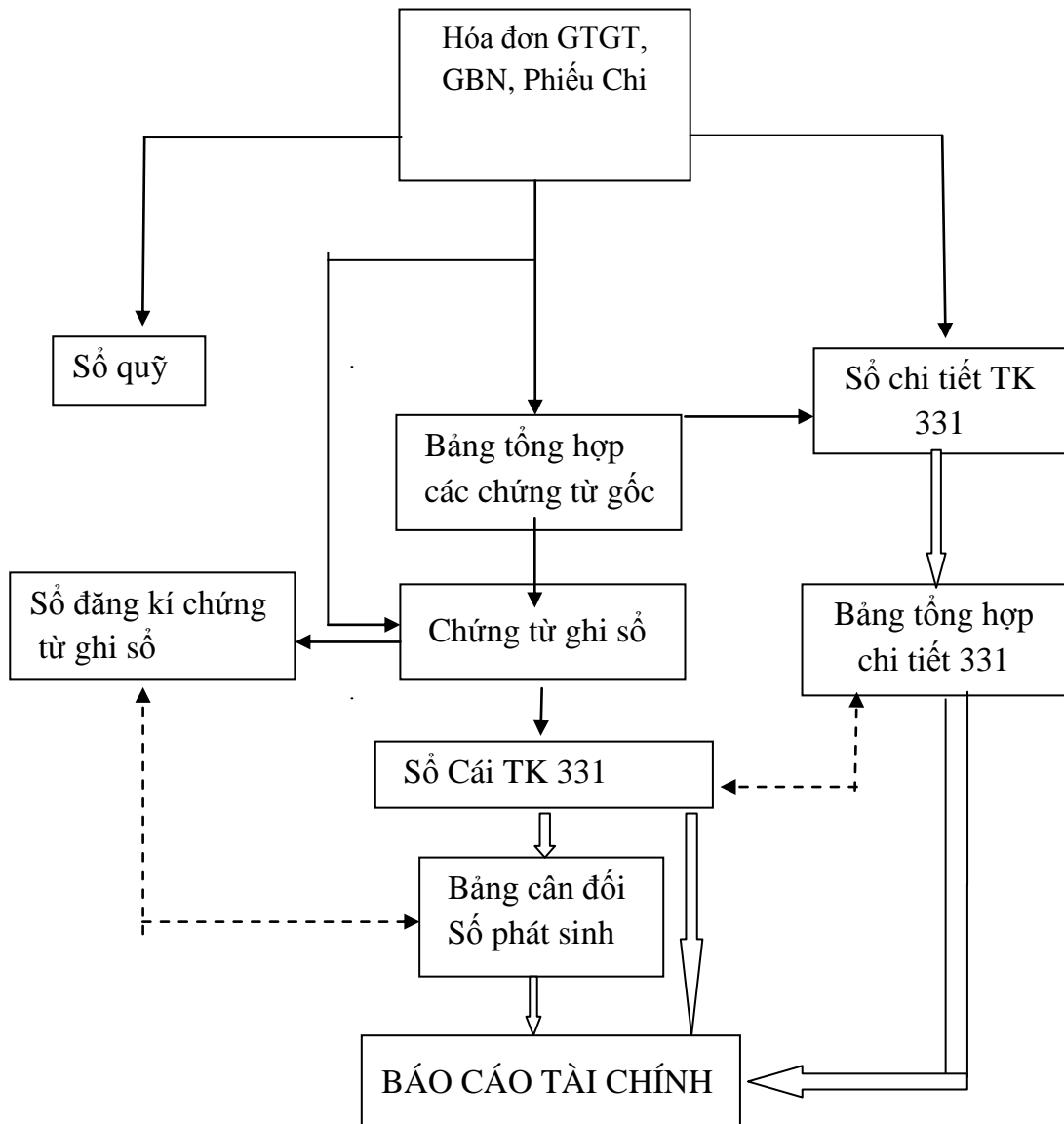
- Số tiền khách hàng đã thanh toán được.
- Số tiền khách hàng cần thanh toán.
- Phản ánh giá trị hoàn thành công trình từng đợt.
- Các khoản khách hàng trả trước cho công trình thi công.

❖ *Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng*

- Hóa đơn GTGT.
- Giấy báo Nợ
- Phiếu Chi
- Bảng tổng hợp thanh toán với nhà cung cấp.
- Sổ chi tiết TK 331, chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ, Sổ Cái TK 331.

❖ *Trình trình tự ghi sổ*

- Hàng ngày kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT, giấy báo Nợ, phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan đã được kiểm tra tính hợp lệ để ghi vào sổ Chứng từ ghi sổ, đồng thời sử dụng các chứng từ này để ghi sổ chi tiết thanh toán với người bán.
- Từ Sổ Chứng từ ghi sổ lấy số liệu để ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, cuối cùng đưa số liệu lên sổ Cái tài khoản 331 – Phải trả người bán, để theo dõi tình hình thanh toán các khoản nợ phải trả của công ty.
- Cuối tháng cộng sổ kế toán chi tiết để lấy số liệu lập bảng tổng hợp theo dõi chi tiết theo đối tượng nhà cung cấp. Đối chiếu số liệu trên sổ chi tiết theo dõi người bán với sổ Cái tài khoản phải trả người bán. Căn cứ vào số liệu ghi trên sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết, kế toán tiến hành cộng sổ Cái để lập Bảng Cân đối số phát sinh và làm căn cứ để lập Báo cáo tài chính.



Sơ đồ 2.7: Trình tự ghi sổ kế toán phải trả người bán theo hình thức “chứng từ ghi sổ” tại công ty

Chú thích:

- Ghi hằng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng, cuối quý
- ←---→ Quan hệ đối chiếu

❖ Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trực tiếp tại công ty và quy trình luân chuyển chứng từ của chúng:

Trong quý 04 năm 2020 tại công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các khoản phải trả người bán như sau:

Số dư bên Có đầu kì của các công ty: Thiên Phước: 68.205.000 đồng; Thiên Ý: 5.000.000 đồng; Hải Minh: 120.000.000 đồng; Hùng Vương: 19.800.000 đồng.

Nghiệp vụ 3: Ngày 28/10/2020 Mua 28 bộ “Đồ bảo hộ lao động cho công nhân cơ khí” chưa trả tiền cho Công ty Bảo hộ lao động Lộc An với giá mua chưa thuế GTGT (thuế suất 10%) là 450.000 đồng/ bộ.

- Mô tả Hóa đơn GTGT, Biên bản kiểm nghiệm, Phiếu nhập kho.

CÔNG TY BẢO HỘ LAO ĐỘNG LỘC AN

Địa chỉ: 116 Dương Văn Dương,
P. Tân Quý, Q. Tân Phú, TP. HCM
Mã số thuế: 0304084805

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu:LA/20P
Số: 0000167

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao cho người mua

Ngày 28 tháng 10 năm 2020

Họ tên người mua hàng: Công ty Thủy điện An Khê- Ka NaK

Tên đơn vị: Công ty Thủy điện An Khê- Ka NaK

Mã số thuế: 1800590430

Địa chỉ: 125 Tây Sơn, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn, T.Bình Định

Hình thức thanh toán:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Đồ bảo hộ lao động cho công nhân cơ khí.	Bộ	28	450.000	12.600.000
Cộng tiền hàng:					12.600.000
Thuế suất GTGT: 10%, Tiền thuế GTGT:					1.260.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					13.860.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười ba triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng.					

Người mua hàng

Người bán hàng

Nguyễn Văn Tư

Đào Văn Huy

Đơn vị: Công ty Thủy điện An Khê- Ka NaK

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM
Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa

Ngày 28 tháng 10 năm 2020

Số: 00101

Căn cứ Hóa đơn GTGT số 00000167 ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Công ty Bảo hộ lao động Lộc An.

Ban kiểm nghiệm gồm:

- + Ông/ Bà: Đoàn Văn Châu. Chức vụ: Kế toán trưởng. Đại diện: Trưởng ban.
- + Ông/ Bà: Nguyễn Thị Thu Hà. Chức vụ: Kế Toán Vật tư. Đại diện: Ủy viên.

Đã kiểm nghiệm các loại:

ST T	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách, phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất	
1	Đồ bảo hộ lao động cho công nhân cơ khí.	LADP- BH004	Đếm	Bộ	28	28	0	

Ý kiến của Ban kiểm nghiệm: Đủ số lượng và đúng quy cách trong hợp đồng.

Đại diện kỹ thuật

Thủ kho

Trưởng ban

Nguyễn Huán

Nguyễn Văn Tư

Đoàn Văn Châu

Mẫu số :01-VT

Công ty Thủy điện An Khê- Ka NaK
125 Tây Sơn, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn,
T. Bình Định

(Ban hành theo Thông tư số 100/2014/TT/BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 28 tháng 10 năm 2020

Nợ: 153

Số: NK 000152

Có: 331

Họ và tên người giao hàng: Ngô Thị An

Theo hóa đơn số 0000167 ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Công ty Bảo hộ lao động
Lộc An.

Nhập tại kho: Công cụ dụng cụ.

Địa điểm: Nhà máy Thủy điện An Khê 1

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
1	Đồ bảo hộ lao động cho công nhân cơ khí.	LADP- BH004	Bộ	28	28	450.000	12.600.000
	Cộng						12.600.000

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng.

Người lập phiếu**Người giao hàng****Thủ kho****Kế toán trưởng**

Nguyễn Thị Thu Hà

Ngô Thị An

Nguyễn Văn Tư

Đoàn Văn Châu

Nghiệp vụ 4: Ngày 16/11/2020: Đặt trước tiền mua máy APTOMAT cho Công ty TNHH Trung Thành 20.000.000 đồng, bằng tiền mặt.

- Mô tả Phiếu chi.

Công ty Thủy điện An Khê- Ka NaK		<i>(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC</i>		
125 Tây Sơn,P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn, T.Bình		<i>Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)</i>		
Định				
PHIẾU CHI		Quyển số:		
Ngày 16 tháng 11 năm 2020		Số: PC 00229		
		Nợ: 331		
		Có: 111		
Họ và tên người nhận tiền: Công ty TNHH Trung Thành				
Địa chỉ: Lô 31 cụm CN Quang Trung, P. Quang trung, Tp. Quy Nhơn, T. Bình Định				
Lý do chuyển tiền: Đặt trước tiền hàng.				
Số tiền: 20.000.000 đồng				
Viết bằng chữ: Hai mươi triệu đồng.				
		<i>Ngày 16 tháng 11 năm 2020</i>		
Giám đốc	Kế toán	Thủ quỹ	Người lập	Người nhận
	trưởng		phiếu	tiền
Đặng Văn Tuấn	Đoàn Văn Châu	Đỗ Ngọc Tuấn	Nguyễn Thị Thu Hà	Tô Vĩ

Nghiệp vụ 5: Ngày 18/11/2020 Mua 200 máy aptomat nhập kho của Công ty TNHH Trung Thành, trị giá hàng mua chưa thuế GTGT (thuế suất 10%) là 30.000.000 đồng, tiền hàng chưa thanh toán

- Mô tả Hóa đơn GTGT, Biên bản kiểm nghiệm, Phiếu nhập kho.

CÔNG TY TNHH TRUNG THÀNH**Mẫu số: 01GTKT3/001**Địa chỉ: Lô 31 cụm CN Quang Trung, P. Quang trung, **Ký hiệu: TT/20P**

Tp. Quy Nhơn, T. Bình Định

Điện thoại: (08)3950.6618

Fax: (08) 3950.6617

Số: 0000168

Mã số thuế: 4100265864

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao cho người mua

Ngày 18 tháng 11 năm 2020

Họ tên người mua hàng: Công ty Thủy điện An Khê- Ka NaK

Tên đơn vị: Công ty Thủy điện An Khê- Ka NaK

Mã số thuế: 1800590430

Địa chỉ: 125 Tây Sơn, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định

Hình thức thanh toán:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	APTOMAT	cái	200	150.000	30.000.000
Cộng tiền hàng: 30.000.000					
Thuế suất GTGT: 10%, Tiền thuế GTGT: 3.000.000					
Tổng cộng tiền thanh toán: 33.000.000					
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi ba triệu đồng.					

Người mua hàng**Người bán hàng****Nguyễn Văn Tư****Huỳnh Ngọc Ánh**

Đơn vị: Công ty Thủy điện An Khê- Ka NaK

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM
Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa

Ngày 18 tháng 11 năm 2020

Số: 00102

Căn cứ Hóa đơn GTGT số 0000168 ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Công ty TNHH Trung Thành

Ban kiểm nghiệm gồm:

- + Ông/ Bà: Đoàn Văn Châu. Chức vụ: Kế toán trưởng. Đại diện: Trưởng ban.
- + Ông/ Bà: Nguyễn Thị Thu Hà. Chức vụ: Kế toán vật tư. Đại diện: Ủy viên.

Đã kiểm nghiệm các loại:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách, phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất	
1	APTOMAT	D1	Đếm	cái	200	200	0	

Ý kiến của Ban kiểm nghiệm: Đủ số lượng và đúng quy cách trong hợp đồng.

Đại diện kỹ thuật

Thủ kho

Trưởng ban

Nguyễn Huấn

Nguyễn Văn Tư

Đoàn Văn Châu

Mẫu số :01-VT

Công ty Thủy điện An Khê- Ka NaK
125 Tây Sơn, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn,
T.Bình Định

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)***PHIẾU NHẬP KHO**

Ngày 18 tháng 11 năm 2020

Nợ: 153

Số: NK 00202

Có: 331

Họ và tên người giao hàng: Công ty TNHH Trung Thành

Theo hóa đơn số 0000168 ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Công ty TNHH Trung Thành

Nhập tại kho: Công cụ dụng cụ

Địa điểm: Nhà máy Thủy điện An Khê 1

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	APTOMAT	D1	cái	200	200	150.000	30.000.000
	Cộng						30.000.000

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Ba mươi triệu đồng.

Người lập phiếu**Người giao hàng****Thủ kho****Kế toán trưởng****Nguyễn Thị Thu Hà****Huỳnh Ngọc Ánh****Nguyễn Văn Tư****Đoàn Văn Châu**

Nghiệp vụ 6: Ngày 19/11/2020 Thanh toán tiền còn nợ cho Công ty TNHH Trung Thành mua ngày 18/11/2020 bằng tiền mặt.

- Mô tả Phiếu chi.

Mẫu số 02-TT	
<i>(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC</i>	
<i>Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)</i>	
Công ty Thủy điện An Khê - Ka NaK 125 Tây Sơn, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định	
PHIẾU CHI	Quyển số:
Ngày 19 tháng 11 năm 2020	Số: PC 00230
	Nợ: 331
	Có: 111
Họ và tên người nhận tiền: Công ty TNHH Trung Thành	
Địa chỉ: Lô 31 cụm CN Quang Trung, P. Quang trung, Tp. Quy Nhơn, T. Bình Định Lý	
do chuyển tiền: Thanh toán tiền hàng còn nợ theo Hóa đơn GTGT số 0000168	
Số tiền: 13.000.000 đồng	
Viết bằng chữ: Mười ba triệu đồng.	
Kèm theo: 1 chứng từ gốc	
Giám đốc	Kế toán trưởng
Thủ quỹ	Người lập
	phiếu
	Người nhận
	tiền
Đặng Văn Tuần Đoàn Văn Châu Đỗ Ngọc Tuấn Nguyễn Thị Thu Hà Văn Phú	

Nghiệp vụ 7: Ngày 19/11/2020 Thanh toán tiền mua đồ bảo hộ lao động cho Công ty Bảo hộ lao động Lộc An ngày 28/10/2020 bằng chuyển khoản.

- Mô tả giấy báo Nợ.

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam

GIẤY BÁO NỢ

Số: 01236



Ngày in: 19/11/2020

Giờ in: 14:30:22

Số tài khoản: 711A 0567 0001

Tên tài khoản: Công ty Thủy điện An Khê – Ka NaK

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam xin trân trọng thông báo: tài khoản của quý khách đã được ghi nợ với nội dung sau:

Ngày giờ hiệu lực	Số tiền	Loại tiền	Diễn giải
19/11/2020 14:30:22	13.860.000	VNĐ	Ngân hàng phát lệnh: PHONG THANH TOAN NGAN QUY Ngân hàng giữ tài khoản: CN- Bình Định NHTMCP Công Thương Việt Nam. Số tài khoản: 711A 0067 1201 Người thụ hưởng: Công ty Bảo hộ lao động Lộc An

Giao dịch viên

Kiểm soát

Đặng Lê Thu Thảo

Đào Văn Chương

Nghiệp vụ 8: Ngày 23/11/2020 Mua “ Gioăng khớp bù mỏ neo số 06 đường ống áp lực nhà máy Thủy điện An Khê” của Công ty TNHH MANSON trị giá chưa thuế GTGT là 25.000.000, chưa thanh toán cho người bán.

- Mô tả Hóa đơn GTGT, biên bản kiểm nghiệm vật tư, phiếu nhập kho.

CÔNG TY TNHH MANSON

Mẫu số: **01GTKT3/001**

Địa chỉ: Số 336 Quang Trung, TT. Phú Phong, H. Tây Sơn, T. Bình Định

Son, T. Bình Định

Điện thoại: (08)3950.6618 Fax: (08) 3950.6617

Số: 0000169

Mã số thuế: 4101315892

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao cho người mua

Ngày 23 tháng 11 năm 2020

Họ tên người mua hàng: Công ty Thủy điện An Khê- Ka NaK

Tên đơn vị: Công ty Thủy điện An Khê- Ka NaK

Mã số thuế: 1800590430

Địa chỉ: 125 Tây Sơn, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định

Hình thức thanh toán:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Gioăng khớp bù mỏ neo số 06 đường ống áp lực Nhà máy thủy điện An Khê- Xuất xứ Trung Quốc	Bộ	1	25.000.000	25.000.000
Cộng tiền hàng:					25.000.000
Thuế suất GTGT: 10%, Tiền thuế GTGT:					2.500.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					27.500.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng					

Người mua hàng

Người bán hàng

Nguyễn Văn Tư

Ngô Văn Dũng

Đơn vị: Công ty Thủy điện An Khê- Ka NaK.

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM
Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa

Ngày 23 tháng 11 năm 2020

Số: 00204

- Căn cứ Hóa đơn GTGT số 0000169 ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Công ty TNHH MANSON.

Ban kiểm nghiệm gồm:

- + Ông/ Bà: Đoàn Văn Châu. Chức vụ: Kế toán trưởng. Đại diện: Trưởng ban.
- + Ông/ Bà: Nguyễn Thị Thu Hà. Chức vụ: Kế toán vật tư. Đại diện: Ủy viên.

Đã kiểm nghiệm các loại:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách, phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất	
A	B	C	D	E	1	2	3	F
1	Gioăng khớp bù mô nèo số 06 đường ống áp lực Nhà máy thủy điện An Khê- Xuất xứ Trung Quốc	G6	Đếm	Bộ	1	1	0	

Ý kiến của Ban kiểm nghiệm: Đủ số lượng và đúng quy cách trong hợp đồng.

Đại diện kỹ thuật

Thủ kho

Trưởng ban

Nguyễn Huấn

Nguyễn Văn Tư

Đoàn Văn Châu

Mẫu số :01-VT

Công ty Thủy điện An Khê- Ka NaK

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC)

125 Tây Sơn, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn,

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

T.Bình Định

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 23 tháng 11 năm 2020

Nợ: 153

Số: NK 00203

Có: 331

Họ và tên người giao hàng: Công ty TNHH MANSON

Theo hóa đơn số 0000168 ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Công ty TNHH MANSON

Nhập tại kho: Công cụ dụng cụ

Địa điểm: Nhà máy Thủy điện An Khê 1

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Gioăng khớp bù mô néo số 06 đường ống áp lực Nhà máy thủy điện An Khê- Xuất xứ Trung Quốc	G6	Bộ	1	1	25.000.000	25.000.000
	Cộng						25.000.000

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Hai mươi lăm triệu đồng.

Người lập phiếu

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hà

Ngô Văn Dũng

Nguyễn Văn Tư

Đoàn Văn Châu

Nghiệp vụ 9: Ngày 25/11/2020 Thanh toán tiền mua “Gioăng khớp bù mô nèo số 06 đường ống áp lực Nhà máy thủy điện An Khê- Xuất xứ Trung Quốc” ngày 23/11/2020 bằng chuyển khoản.

- Mô tả giấy báo Nợ.

GIẤY BÁO NỢ

Số: 01564

Ngày in: 25/11/2020

Giờ in: 15:00:29

Số tài khoản: 711A 0567 0001

Tên tài khoản: Công ty Thủy điện An Khê - Ka NaK

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam xin trân trọng thông báo: tài khoản của quý khách đã được ghi nợ với nội dung sau:

Ngày giờ hiệu lực	Số tiền	Loại tiền	Diễn giải
25/11/2020 15:00:29	27.500.000	VNĐ	Ngân hàng phát lệnh: PHONG THANH TOAN NGAN QUY Ngân hàng giữ tài khoản: CN- Bình Định NHTMCP Công Thương Việt Nam. Số tài khoản: 711A 9027 1101 Người thụ hưởng: Công ty TNHH MANSON

Giao dịch viên

Kiểm soát

Hoàng Thị Xuân

Đào Văn Chương

Nghiệp vụ 10: Ngày 28/11/2020 Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm cho Công ty TNHH nhà sách Hùng Vương với số tiền là 9.900.000 đồng.

- Mô tả phiếu chi.

<p>Mẫu số 02-TT (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)</p>	
<p>Công ty Thủy điện An Khê - Ka NaK 125 Tây Sơn, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn, T.Bình Định</p>	<p>Quyển số: Số: PC 00231 Nợ: 331 Có: 111</p>
<p>PHIẾU CHI Ngày 28 tháng 11 năm 2020</p>	
<p>Họ và tên người nhận tiền: Công ty TNHH nhà sách Hùng Vương Địa chỉ: Tổ 8, KV 1, P. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định Lý do chuyển tiền: Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm Số tiền: 9.900.000 đồng Viết bằng chữ: Chín triệu chín trăm nghìn đồng.</p>	
<p>Ngày 28 tháng 11 năm 2020</p>	
<p>Giám đốc</p>	<p>Kế toán trưởng</p>
<p>Thủ quỹ</p>	<p>Người lập phiếu</p>
<p>Người nhận tiền</p>	
<p>Đặng Văn Tuấn Đoàn Văn Châu Đỗ Ngọc Tuấn Nguyễn Thị Thu Hà Hồng Hiếu</p>	

Nghiệp vụ 11: Ngày 10/12/2020 Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm cho Công ty TNHH nhà sách Hùng Vương với số tiền 9.900.000 đồng.

- Mô tả phiếu chi

<p>Mẫu số 02-TT (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)</p>	
<p>Công ty Thủy điện An Khê- Ka NaK 125 Tây Sơn, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định</p>	<p>Quyển số: Số: PC 00232 Nợ: 331 Có: 111</p>
<p>PHIẾU CHI Ngày 10 tháng 12 năm 2020</p>	
<p>Họ và tên người nhận tiền: Công ty TNHH nhà sách Hùng Vương Địa chỉ: Tổ 8, KV 1, P. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định Lý do chuyển tiền: Thanh toán số tiền mua văn phòng phẩm Số tiền: 9.900.000 đồng Viết bằng chữ: Chín triệu chín trăm nghìn đồng.</p>	
<p><i>Ngày 10 tháng 12 năm 2020</i></p>	
<p>Người nhận tiền</p>	<p>Kế toán trưởng</p>
<p>Thủ quỹ</p>	<p>Người lập phiếu</p>
<p>Giám đốc</p>	
<p>Đặng Văn Tuấn Đoàn Văn Châu Đỗ Ngọc Tuấn Nguyễn Thị Thu Hà Hồng Hiếu</p>	

Nghiệp vụ 12: Ngày 28/12/2020 Thanh toán tiền chi phí vận chuyển cho Công ty TNHH Thiên Ý còn nợ vào quý trước là 5.000.000 đồng bằng tiền mặt.

- Mô tả phiếu chi.

Mẫu số 02-TT				
Công ty Thủy điện An Khê- Ka NaK			<i>(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC</i>	
125 Tây Sơn, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn,			<i>Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)</i>	
T.Bình Định				
PHIẾU CHI			Quyển số:	
Ngày 28 tháng 12 năm 2020			Số: PC 00233	
			Nợ: 331	
			Có: 111	
Họ và tên người nhận tiền: Công ty TNHH Thiên Ý				
Địa chỉ: Lô B6- B7, KCN Phú Tài, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định				
Lý do chuyển tiền: Thanh toán tiền chi phí vận chuyển còn nợ vào quý trước.				
Số tiền: 5.000.000 đồng				
Viết bằng chữ: Năm triệu đồng.				
<i>Ngày 28 tháng 12 năm 2020</i>				
Giám đốc	Kế toán	Thủ quỹ	Người lập	Người nhận
	trưởng		phiếu	tiền
Đặng Văn Tuấn Đoàn Văn Châu Đỗ Ngọc Tuấn Nguyễn Thị Thu Hà Ngọc Duyên				

❖ Ghi sổ kế toán chi tiết, sổ tổng hợp và sổ cái tài khoản 331:

Công ty Thủy điện An Khê - Ka NaK

Mẫu số S31-DN

125 Tây Sơn, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI CUNG CẤP**Tài khoản: 331-LA****Đối tượng: Công ty Bảo hộ lao động Lộc An (ĐVT: đồng)**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	T.hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ						
28/10	HĐ0000167	28/10	Mua đồ bảo hộ của Công ty Bảo hộ lao động Lộc An chưa thanh toán	153-ĐBH			12.600.000		
28/10	HĐ0000168	28/10	Thuế GTGT theo HĐ0000167	1331			1.260.000		
19/11	GBN01236	19/11	Thanh toán tiền mua đồ bảo hộ cho Công ty Bảo hộ Lao động Lộc An	1121		13.860.000			
			Cộng số phát sinh			13.860.000	13.860.000		
			Số dư cuối kỳ						

Bình Định, ngày 19 tháng 11 năm 2020

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hà

Đoàn Văn Châu

Đặng Văn Tuấn

Công ty Thủy điện An Khê - Ka NaK
125 Tây Sơn, P. Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định

Mẫu số S31-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI CUNG CẤP

Tài khoản: 331-TT

Đối tượng: Công ty TNHH Trung Thành (ĐVT: đồng)

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	T.hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ						
16/11	PC00229	16/11	Đặt trước tiền mua APTOMAT cho công ty TNHH Trung Thành.	111		20.000.000			
18/11	HĐ0000168	18/11	Mua máy APTOMAT nhập kho chưa thanh toán cho công ty Trung Thành	153-AP			30.000.000		
18/11	HĐ0000168	18/11	Thuế GTGT theo HĐ0000168	1331			3.000.000		
19/11	PC00230	19/11	Chi trả số tiền còn nợ Công ty TNHH Trung Thành	111		13.000.000			
			Cộng số phát sinh			33.000.000	33.000.000		
			Số dư cuối kỳ						

Bình Định, ngày 19 tháng 11 năm 2020

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hà

Đoàn Văn Châu

Đặng Văn Tuấn

Công ty Thủy điện An Khê - Ka NaK**Mẫu số S31-DN**

125 Tây Sơn, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI CUNG CẤP****Tài khoản: 331-MS****Đối tượng: Công ty TNHH MANSON (ĐVT: Đồng)**

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	T.hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ						
23/11	HĐ0000169	23/11	Mua "GKBMN" của Công ty TNHH MANSON chưa thanh toán tiền cho người bán	153-GKBMN			25.000.000		
23/11	HĐ0000169	23/11	Thuế GTGT theo HĐ000169	1331			2.500.000		
25/11	GBN01564	25/11	Thanh toán tiền mua "GKBMN" của công ty TNHH MANSON ngày 23/11	1121		27.500.000			
			Cộng số phát sinh			27.500.000	27.500.000		
			Số dư cuối kỳ						

*Bình Định, ngày 25 tháng 11 năm 2020***Người ghi sổ****Kế toán trưởng****Giám đốc****Nguyễn Thị Thu Hà****Đoàn Văn Châu****Đặng Văn Tuấn**

Công ty Thủy điện An Khê - Ka NaK**Mẫu số S31-DN**

125 Tây Sơn, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI CUNG CẤP****Tài khoản: 331-HV****Đối tượng: Công ty TNHH nhà sách Hùng Vương (ĐVT: đồng)**

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	T.hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ						19.800.000
28/11	PC00231	28/11	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm cho Công ty TNHH nhà sách Hùng Vương	111		9.900.000			9.900.000
10/12	PC00232	10/12	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm cho Công ty TNHH nhà sách Hùng Vương	111		9.900.000			0
			Cộng số phát sinh			19.800.000			
			Số dư cuối kỳ						0

*Bình Định, ngày 10 tháng 12 năm 2020***Người ghi sổ****Kế toán trưởng****Giám đốc****Nguyễn Thị Thu Hà****Đoàn Văn Châu****Đặng Văn Tuấn**

Công ty Thủy điện An Khê - Ka NaK**Mẫu số S31-DN**

125 Tây Sơn, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI CUNG CẤP****Tài khoản: 331-TY****Đối tượng: Công ty TNHH Thiên Ý (ĐVT: đồng)**

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	T.hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ						5.000.000
28/12	PC00233	28/12	Thanh toán tiền còn nợ quý trước cho Công ty TNHH Thiên Ý	111		5.000.000			0
			Cộng số phát sinh			5.000.000			
			Số dư cuối kỳ						0

*Bình Định, ngày 28 tháng 12 năm 2020***Người ghi sổ****Kế toán trưởng****Giám đốc****Nguyễn Thị Thu Hà****Đoàn Văn Châu****Đặng Văn Tuấn**

Công ty Thủy điện An Khê - Ka NaK**Mẫu số S31-DN**

125 Tây Sơn, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN****Quý 04 năm 2020****(ĐVT: đồng)**

STT	Tên nhà cung cấp	Số dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty Bảo hộ lao động Lộc An			13.860.000	13.860.000		
2	Công ty TNHH Trung Thành			33.000.000	33.000.000		
3	Công ty TNHH MANSON			27.500.000	27.500.000		
4	Công ty TNHH nhà sách Hùng Vương		19.800.000	19.800.000			
5	Công ty TNHH Thiên Ý		5.000.000	5.000.000			
6	Công ty TNHH Hải Minh		120.000.000				
7	Công ty TNHH Thiên Phước		68.205.000				
	Cộng		213.005.000	99.160.000	74.360.000		188.205.000

*Bình Định, ngày 28 tháng 12 năm 2020***Người ghi sổ****Kế toán trưởng****Giám đốc****Nguyễn Thị Thu Hà****Đoàn Văn Châu****Đặng Văn Tuấn**

Công ty Thủy điện An Khê - Ka NaK**Mẫu số S02a- DN**

125 Tây Sơn, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***CHỨNG TỪ GHI SỔ****Số: 03**

Loại chứng từ: Hóa đơn GTGT đầu vào

Ngày 28 tháng 10 năm 2020

(ĐVT: Đồng)

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có		
HĐ0000167	28/10	Mua đồ bảo hộ lao động chưa thanh toán cho Công ty Bảo hộ lao động Lộc An	153-ĐBH	331-LA	12.600.000	
HĐ0000167	18/10	Thuế GTGT theo HĐ0000167	1331	331-LA	1.260.000	
HĐ0000168	18/11	Mua máy APTOMAT của Công ty TNHH Trung Thành chưa thanh toán	153-AP	331-TT	30.000.000	
HĐ0000168	18/11	Thuế GTGT theo HĐ0000168	1331	331-TT	3.000.000	
HĐ0000169	23/11	Mua GKBMN chưa thanh toán cho Công ty TNHH MANSON	153-GKBMN	331-MS	25.000.000	
HĐ0000169	23/11	Thuế GTGT theo HĐ0000169	1331	331-MS	2.500.000	
Cộng SPS					74.360.000	

*Kèm theo 3 chứng từ gốc**Bình Định, ngày 23 tháng 11 năm 2020***Người lập****Kế toán trưởng****Nguyễn Thị Thu Hà****Đoàn Văn Châu**

Công ty Thủy điện An Khê - Ka NaK

Mẫu số S02a- DN

125 Tây Sơn, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỨNG TỪ GHI SỔ**Số: 04**

Loại chứng từ: Phiếu Chi

Ngày 16 tháng 11 năm 2020

(ĐVT: Đồng)

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có		
PC00229	16/11	Đặt trước tiền mua máy APTOMAT của Công ty TNHH Trung Thành	331-TT	111	20.000.000	
PC00230	19/11	Thanh toán tiền còn nợ Công ty TNHH Trung Thành	331-TT	111	13.000.000	
PC00231	28/11	Thanh toán tiền mua Văn phòng phẩm của Công ty TNHH nhà sách Hùng Vương	331-HV	111	9.900.000	
PC00232	10/12	Thanh toán tiền mua Văn phòng phẩm cho Công ty TNHH nhà sách Hùng Vương	331-HV	111	9.900.000	
PC00233	28/12	Thanh toán tiền chi phí vận chuyển còn nợ Công ty TNHH Thiên Ý vào quý trước	331-TY	111	5.000.000	
		Cộng SPS			57.800.000.	

Kèm theo 5 chứng từ gốc

Bình Định, ngày 28 tháng 12 năm 2020

Người lập**Kế toán trưởng****Nguyễn Thị Thu Hà****Đoàn Văn Châu**

Công ty Thủy điện An Khê - Ka NaK

125 Tây Sơn, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định

Mẫu số S02a- DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***CHỨNG TỪ GHI SỔ****Số: 05**

Loại chứng từ: Giấy báo Nợ

Ngày 19 tháng 11 năm 2020

(ĐVT: Đồng)

Chứng từ		Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có		
GBN01236	19/11	Thanh toán tiền mua đồ bảo hộ lao động cho Công ty Bảo hộ lao động Lộc An	331-LA	1121	13.860.000	
GBN01564	25/11	Thanh toán tiền mua GKBMN cho Công ty TNHH MANSON	331-MS	1121	27.500.000	
		Cộng SPS			41.360.000.	

Kèm theo 1 chứng từ gốc

Bình Định, ngày 25 tháng 11 năm 2020

Người lập**Kế toán trưởng****Nguyễn Thị Thu Hà****Đoàn Văn Châu**

Công ty Thủy điện An Khê - Ka NaK**Mẫu số S02b- DN**

125 Tây Sơn, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ***Quý 04 năm 2020***(ĐVT: Đồng)**

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
03	28/10/2020	74.360.000
04	16/11/2020	57.800.000
05	19/11/2020	41.360.000
Cộng phát sinh		173.520.000

- Sổ này có.... Trang, đánh số từ trang số 01 đến trang...
- Ngày mở sổ: 28/10/2020.

*Bình Định, ngày 28 tháng 12 năm 2020***Người lập sổ****Kế toán trưởng****Giám đốc****Nguyễn Thị Thu Hà****Đoàn Văn Châu****Đặng Văn Tuấn**

Công ty Thủy điện An Khê - Ka NaK

Mẫu số S02c1- DN

125 Tây Sơn, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI**Tên tài khoản: Phải trả người bán****Số hiệu: 331****Quý 04 năm 2020****(ĐVT: đồng)**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	
			Số dư đầu quý			213.005.000	
28/12	03	28/10	Mua đồ bảo hộ lao động của Công ty Bảo hộ lao động Lộc An chưa thanh toán	153-ĐBH		12.600.000	
28/12	03	28/10	Thuế GTGT theo HĐ0000167	1331		1.260.000	
28/12	03	28/10	Mua APTOMAT chưa thanh toán cho Công ty TNHH Trung Thành	153-AP		30.000.000	
28/12	03	28/10	Thuế GTGT theo HĐ0000168	1331		3.000.000	
28/12	03	28/10	Mua GKBMN chưa thanh toán cho Công ty TNHH MANSON	153-GKBMN		25.000.000	
28/12	03	28/10	Thuế GTGT theo HĐ0000169	1331		2.500.000	
28/12	04	16/11	Thanh toán tiền mua đồ bảo hộ lao động cho Công ty Bảo hộ lao động Lộc An	112	13.860.000		
28/12	04	16/11	Thanh toán tiền mua GKBMN cho Công ty TNHH MANSON	112	27.500.000		
28/12	05	19/11	Đặt trước tiền mua máy APTOMAT cho Công ty TNHH Trung	111	20.000.000		

			Thành				
28/12	05	19/11	Thanh toán tiền còn nợ Công ty TNHH Trung Thành	111	13.000.000		
28/12	05	19/11	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm cho Công ty TNHH nhà sách Hùng Vương	111	9.900.000		
28/12	05	19/11	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm cho Công ty TNHH nhà sách Hùng Vương	111	9.900.000		
28/12	05	19/11	Thanh toán tiền chi phí vận chuyển còn nợ Công ty TNHH Thiên Ý	111	5.000.000		
			Cộng số phát sinh		99.160.000	74.360.000	
			Số dư cuối quý			188.205.000	

Bình Định, ngày 28 tháng 12 năm 2020

Người lập sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hà

Đoàn Văn Châu

Đặng Văn Tuấn

CHƯƠNG 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ KẾ TOÁN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY THỦY ĐIỆN AN KHÊ - KA NAK

3.1. Nhận xét về kế toán phải thu khách hàng và kế toán phải trả người bán tại Công ty Thủy điện An Khê - Ka Nak

3.1.1. Nhận xét chung về công ty

Về ưu điểm thì công ty có đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên kế toán của công ty nhìn chung làm việc khá đồng bộ, có hiệu quả, năng động sáng tạo, có đủ trình độ kiến thức xây dựng một mô hình quản lý kinh tế chủ động đáp ứng kịp thời việc cung cấp thông tin kinh tế tài chính cho các công tác lãnh đạo, phục vụ tốt cho công tác quản lý công ty. Sắp xếp lại tổ chức sản xuất kinh doanh, hình thành mô hình Công ty với các đơn vị kinh doanh chiến lược. Đó là mô hình dẫn đến một tập đoàn sản xuất có mối quan hệ hữu cơ về kinh tế, kỹ thuật và lợi ích giữa các thành viên mà đặc trưng của nó là có phân công, có hợp tác liên kết tạo ra sự tập trung đồng bộ và tiết kiệm được các chi phí trong sản xuất. Tiếp theo đó là Công ty hoạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên giúp nâng cao chất lượng quản lý hàng hóa một cách tốt nhất, đồng thời giúp cho việc tính toán, phản ánh số liệu chính xác, kịp thời phát hiện hàng hóa thừa thiếu, hư hỏng để có biện pháp xử lý; Bên cạnh đó thì công ty đã xác định đúng và khai thác triệt để các thị trường mới ngoài thị trường truyền thống. Mở rộng quan hệ đối ngoại và tập trung đẩy mạnh khâu tiếp thị và đấu thầu, coi đây là nhân tố quy định chủ yếu đầu ra của Công ty. Bên cạnh những ưu điểm thì vẫn còn tồn tại một số nhược điểm sau: Công ty có quy mô rộng rãi và có nhiều đơn vị trực thuộc nhưng bộ máy kế toán của công ty lại ít người nên công việc của mỗi kế toán vất vả.

Về sổ sách kế toán đối với kế toán phải thu, phải trả người bán thì kế toán đã mở sổ chi tiết theo từng đối tượng thu, trả và ghi chép đầy đủ từng lần thanh toán theo đúng quy định. Tuy nhiên, kế toán vẫn chưa theo dõi chi tiết thời gian các khoản nợ phải thu, phải trả như thế nào cho đảm bảo tính minh bạch.

Trong số cấp quản trị viên thực hiện ở phòng ban còn nhiều người làm việc không đúng chuyên môn. Việc tuyển dụng các cán bộ trẻ kế cận là đáng khích lệ song công ty vẫn chưa có kế hoạch đào tạo cụ thể.

Sử dụng phần mềm kế toán thường xảy ra các lỗi nhỏ nhưng không đáng kể. Tuy nhiên tính bảo mật phần mềm chưa cao.

3.1.2. Nhận xét về kế toán phải thu khách hàng và kế toán phải trả người bán tại công ty

➤ **Chứng từ kế toán ở công ty:** Hình thức kế toán đang áp dụng tại công ty là hình thức “Chứng từ ghi sổ”. Công ty áp dụng hình thức này là phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty từ đó tạo điều kiện cho công tác kế toán tại đơn vị đạt hiệu quả cao. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm thì hình thức này vẫn tồn tại nhiều nhược điểm. Cụ thể như sau:

✚ **Ưu điểm:** Thứ nhất, hình thức này ghi chép đơn giản, kết cấu sổ dễ ghi, dễ đối chiếu số liệu giúp tiết kiệm thời gian mà hiệu quả công việc lại cao. Thứ hai, hình thức “Chứng từ ghi sổ” thích hợp với một công ty có quy mô vừa và nhỏ như Công ty Thủy điện An Khê- Ka NaK, kết cấu đơn giản nên phù hợp với việc áp dụng công tác kế toán trên máy vi tính của công ty.

✚ **Nhược điểm:** Ghi chép trùng lặp, khối lượng ghi chép nhiều; công việc kiểm tra đối chiếu số liệu dồn đến cuối kỳ, điều này ảnh hưởng đến thời hạn lập báo cáo kế toán.

➤ **Quy trình kế toán ở công ty:** Bộ máy kế toán ở công ty được tổ chức đơn giản, tập trung, gọn nhẹ phù hợp với mô hình quản lý, mô hình tổ chức sản xuất và quy trình sản xuất sản phẩm của công ty.

➤ **Sổ sách sử dụng:**

✚ **Ưu điểm:** Mẫu sổ đơn giản rõ ràng, dễ kiểm tra đối chiếu số liệu, thuận tiện cho việc phân công lao động; Cho phép quản lý từng khoản mục khoản mục liên quan đến các phần hành kế toán một cách chặt chẽ có hiệu quả. Nếu số nghiệp vụ nhiều, cần phải phân loại nghiệp vụ kinh tế cùng loại thì hình thức này giúp cho sổ Cái không bị rối. Các số liệu đã được ghi vào Chứng từ ghi sổ nên chỉ cần số liệu tổng hợp từ Chứng từ ghi sổ vào Sổ cái thì đã làm giảm việc ghi chép vào sổ Cái rất nhiều.

✚ **Nhược điểm:** Việc ghi chép còn nhiều trùng lặp nhiều, tốn nhiều thời gian và phải xử lý nhiều sổ sách, công việc kiểm tra đối chiếu thường dồn vào cuối kỳ làm ảnh hưởng tới thời hạn lập và gửi báo cáo kế toán; trình độ các kế toán phải tương đối đồng đều, có khả năng xử lý số liệu một cách chính xác và chuyên môn hóa trong công tác kế toán; đòi hỏi kế toán viên và kế toán trưởng phải đối chiếu khớp các số liệu giữa các

Chúng từ ghi sổ với nhau ở các phần hành khác nhau lập trước khi ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ Cái.

➤ **Tài khoản sử dụng:** Công ty áp dụng hệ thống kế toán được ban hành theo thông TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Ngoài ra, công ty còn mở một số tài khoản tài sản chi tiết nhằm phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh tại Công ty, tạo điều kiện cho việc hoạch toán được dễ dàng.

➤ **Công tác quản lý các khoản phải thu khách hàng và phải trả người bán:**

✚ **Ưu điểm:**

- **Đối với công nợ phải thu khách hàng:** Công ty đã quản lý và kiểm soát rất tốt như sau: Quản lý chi tiết và chặt chẽ, đảm bảo tính minh bạch cũng như thường xuyên thông báo với khách hàng về số nợ; chỉ cho khách hàng nợ ở một mức tiền nhất định và giới hạn thời gian nợ, thậm chí không cho phép nợ; Không cho phép nợ chồng chéo, nếu nợ cũ chưa thanh toán hết thì công ty từ chối việc tiếp tục ghi sổ hoặc tiếp tục hợp đồng kinh tế. Đặt ra quy định về việc nợ và thanh toán nợ, có mức phạt phù hợp nếu thanh toán quá hạn. Bên cạnh đó thì công ty cũng áp dụng các chính sách tín dụng như chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán cho khách hàng.

- **Đối với công nợ phải trả người bán:** Công ty tìm ra nhiều cách để kéo dài thời gian hoàn trả để có thể xoay vòng vốn lâu nhất, thống nhất với nhà cung cấp minh bạch về thời gian, tiền bạc; cố gắng thương lượng để có khoản thời để giữ uy tín trong kinh doanh và duy trì mối quan hệ kinh doanh bền vững.

➤ **Nhược điểm:** Mặc dù có rất nhiều ưu điểm nhưng lý do tại sao dẫn đến kết quả lại không hiệu quả? Phải chăng công ty đã áp dụng sai hay không đủ? Sau đây là những nhược điểm để trả lời cho việc không hiệu quả đó:

- + **Thứ nhất:** Do ảnh hưởng bởi đại dịch covid nên ta thấy kết quả kinh doanh cũng như công tác kế toán phải thu khách hàng tại công ty sụt giảm, cụ thể là lượng khách hàng giảm, việc giãn cách xã hội dẫn đến việc thực hiện các dự án đấu thầu, thực hiện các công trình cho khách hàng cũng bị trì trệ, dẫn đến phải thu khách hàng giảm. Khách hàng vẫn còn chiếm dụng vốn của công ty cho thấy công ty quản lý công nợ chưa hiệu quả.
- + **Thứ hai:** Việc quản lý công nợ còn thực hiện thủ công trên sổ sách và trên excel. Điều này vẫn còn tồn tại đó là số lượng sổ sách nhiều, công việc thực hiện

trùng lặp và tốn kém thời gian, nếu có sai sót thì sẽ ảnh hưởng đến quá trình quản lý công nợ.

- + **Thứ ba:** Các anh chị phòng ban kế toán mặc dù đã được phân chức vụ thuộc phân hành theo quy định, nhưng thực tế thì kế toán vật tư, kế toán lương hay kế toán công nợ lại có thể đổi công việc cho nhau và rất lộn xộn, như vậy là thiếu tính chuyên nghiệp trong công việc. Đội ngũ nhân viên phòng Tài chính – kế toán là những anh chị, cô chú đã lớn tuổi, có người sắp về hưu.
- + **Thứ tư:** công ty chưa có đội ngũ kiểm soát, phân tích đánh giá và lập chỉ tiêu đánh giá hệ số, tỷ lệ thu hồi và thanh toán công nợ sao cho hiệu quả.
- + **Thứ năm:** công ty chưa xây dựng chính sách bán hàng rõ ràng, chi tiết, phân loại khách hàng và phân loại nợ phải thu và phải trả theo các tiêu chí quy ước như: thời hạn nợ, nhóm tuổi nợ, tình trạng của khách hàng....

3.2. Phương hướng và giải pháp để hoàn thiện kế toán phải thu khách hàng và kế toán phải trả người bán tại Công ty Thủy điện An Khê - Ka Nak

Việc quản lý và thu hồi các khoản phải thu khách hàng, thanh toán các khoản phải trả cho người bán là yếu tố thiết yếu liên quan đến tài chính của doanh nghiệp. Tuy nhiên, tình trạng hiện nay có rất nhiều doanh nghiệp vẫn còn đang loay hoay mất nhiều thời gian, nguồn lực nhưng vẫn chưa tìm ra giải pháp tối ưu cho quy trình quản lý công nợ. Đây cũng là một mối quan tâm mà các nhà quản trị tại Công ty Thủy điện An Khê - Ka NaK vẫn tìm tòi và không ngừng tìm ra các giải pháp tối ưu nhất.

Với những kiến thức đã học tại trường cùng vốn kinh nghiệm thực tế ít ỏi thì em nhận thấy rằng bản thân chưa đủ trình độ để có thể đưa ra những phương hướng, giải pháp tối ưu để hoàn thiện kế toán phải thu khách hàng và kế toán phải trả người bán tại Công ty Thủy điện An Khê - Ka NaK. Vì vậy mọi phương hướng cũng như giải pháp em đưa ra không thể không tránh khỏi có những sai sót mong quý thầy cô, quý anh chị phòng ban kế toán tại công ty chỉ dạy thêm cũng như đóng góp ý kiến để hoàn thiện hơn nữa.

Và sau đây là một số giải pháp để hoàn thiện kế toán phải thu khách hàng và kế toán phải trả người bán tại công ty:

❖ **Giải pháp 1: Xây dựng quy trình bán hàng, cung cấp dịch vụ hiệu quả.**

- Cần xây dựng kế hoạch bán hàng ngay từ đầu, phân loại khách hàng, cần có chính sách bán hàng hợp lý để hạn chế tình trạng mua nhưng thanh toán chậm hoặc nợ khó đòi; cần có quy định rõ ràng ngay từ đầu về thời hạn thanh toán và mức chịu phạt nếu để chậm trễ hoặc không có ý định thanh toán. Sử dụng các chính sách giảm giá để thu hút khách hàng. Mọi giao dịch với khách hàng qua các kênh như: email, thư, cuộc gọi...cũng cần lưu trữ lại dưới dạng tài liệu để đề phòng trường hợp tranh chấp, kiện tụng xảy ra.
- Cần phải chuẩn bị đội ngũ nhân viên có tính chuyên nghiệp cao, đủ khả năng ứng xử khéo léo luôn theo sát các hoạt động chi trả của khách hàng để đốc thúc kịp thời.
- Phải thường xuyên ghi chép rõ ràng, kiểm tra, đối chiếu các sổ, sách liên quan đến các khoản thu khách hàng, tiến hành lập dự phòng phải thu khó đòi.
- Bán hàng chủ yếu tập trung cung cấp cho khách hàng sản phẩm, dịch vụ chất lượng không chạy theo số lượng mà lãng quên chất lượng, tạo niềm tin cho khách hàng, như vậy khách hàng sẽ duy trì mối quan hệ kinh doanh với chúng ta, họ còn là những người tuyên truyền, quảng bá về sản phẩm, dịch vụ của chúng ta.

Sau đây là các bước để xây dựng quy trình bán hàng hiệu quả cho công ty:

➤ **Bước 1: Lên kế hoạch và định hình mục tiêu kinh doanh.**

Theo nghiên cứu của các chuyên gia kinh doanh thì những bước đầu của một công đoạn bán hàng chuyên nghiệp đó là lên kế hoạch và xác định mục tiêu kinh doanh, cụ thể công ty phải xây dựng những mục tiêu sau:

- Xác định mặt hàng, dịch vụ công ty đã và đang tiến hành kinh doanh, xác định loại mặt hàng nào đem lại nguồn thu chính cho doanh nghiệp mình, tập trung đầu tư cho nguồn hàng, dịch vụ đó.
- Xác định thị trường khách hàng, phân loại khách hàng.
- Lên kế hoạch về địa điểm, thời gian, tài chính để thực hiện kinh doanh, cung cấp dịch vụ cho khách hàng.
- Đánh giá xem mức độ rủi ro, lợi nhuận khi thực hiện việc kinh doanh, cung cấp dịch vụ cho khách hàng là tốt hay xấu? Chúng ta sẽ thu được những gì và xem xét có nên kinh doanh hay không?

➤ **Bước 2:** Tìm kiếm khách hàng tiềm năng.

Việc tìm kiếm khách hàng là việc nghe qua tưởng chừng rất dễ tuy nhiên thực tế lại vô cùng gian nan chứ không đơn giản như chúng ta nghĩ, tìm kiếm khách hàng có rất nhiều cách: Lập trang web riêng, fanpage, youtube để quảng bá và giới thiệu cho khách hàng tìm thấy; thông qua các hình thức trung gian nhờ các công ty quảng cáo thương hiệu qua tờ rơi, báo, báo điện tử, đài truyền hình,... Từ đó lọc ra các khách hàng tiềm năng và đồng thời loại bỏ được những khách hàng không có triển vọng, qua đó khai thác được cao nhất các khách hàng có nhu cầu mua hàng hóa, dịch vụ; tạo bước đệm cho những thắng lợi trong kinh doanh và cạnh tranh cùng các đối thủ trên thị trường.

➤ **Bước 3:** Tiếp cận khách hàng.

Tiếp cận khách hàng qua gặp mặt trực tiếp hay online cũng đều có những ưu, nhược điểm vì thế công ty nên tìm hiểu nguyên nhân do đâu? Để có thể tìm ra các giải pháp khắc phục những nhược điểm.

Như chúng ta thấy thực tế quý 04/2020 tại Công ty Thủy điện An Khê Ka- NaK lượng khách hàng rất ít, bởi vì ảnh hưởng bởi đại dịch Covid nên việc tiếp cận khách hàng là rất khó.

➤ **Bước 4:** Giới thiệu về sản phẩm, dịch vụ.

Có thể giới thiệu bằng 2 cách: Trực tiếp (thông qua lời nói) và gián tiếp (thông qua các kênh truyền thông). Công ty cần đào tạo và trang bị cho đội ngũ nhân viên tư vấn bán hàng những kiến thức nền tảng, kỹ năng giao tiếp để giới thiệu cho khách hàng tiếp cận sản phẩm, dịch vụ một cách chân thật, rõ ràng và chi tiết. Đây là bước nhằm thu hút, thuyết phục khách hàng đến gần hơn với những lựa chọn phù hợp nhất.

➤ **Bước 5:** Thuyết phục khách hàng.

Ở bước này người tư vấn bán hàng cần khéo léo xử lý các tình huống, đưa ra các ưu điểm, lý do tại sao nên mua sản phẩm, dịch vụ của chúng tôi? Đối với những khách hàng thường mặc cả thì nên đưa ra các chính sách khuyến mãi, còn những khách hàng chú trọng cách thức thì nên chú trọng mẫu mã và chất lượng.

➤ **Bước 6:** Chốt giao dịch.

Sau khi thuyết phục được khách hàng thì tiến hành làm hợp đồng chốt đơn, trong hợp đồng phải nêu rõ quyền lợi, cũng như các mức bồi thường nếu không đáp ứng yêu cầu như đã thỏa thuận.

➤ **Bước 7:** Chăm sóc khách hàng sau mua.

Gửi lời cảm ơn đến khách hàng, hỏi thăm và thực hiện các bài khảo sát nhằm lấy ý kiến đánh giá của khách hàng về sản phẩm, dịch vụ của công ty. Điều này có thể giúp chúng ta tìm ra những nhược điểm để khắc phục nó, đồng thời tạo mối quan hệ và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ tốt hơn.

❖ **Giải pháp 2: Quản lý chặt chẽ đội ngũ nhân viên phòng kế toán.**

- Phân công cố định người nào làm phần hành nào thì làm phần hành đó, tránh tình trạng đổi chéo công việc cho nhau. Như vậy sẽ rất phức tạp và khó quản lý, và dễ xảy ra sai sót trong quá trình làm việc.
- Công ty nên tuyển dụng thêm nhân viên mới để đào tạo vì phòng tài chính - kế toán có một số anh chị, cô chú đã lớn tuổi sắp về hưu.
- Thực hiện việc phân công các nhân viên phòng kế toán, khuyến khích làm việc theo đội, nhóm và các mức thưởng nhân viên theo KPI nhằm mục đích khích lệ nhân viên làm việc hết công suất và có tinh thần hăng hái trong công việc, bên cạnh đó thì đội ngũ quản lý cấp cao hơn nên thường xuyên gặp gỡ và huấn luyện cũng như tạo độ gắn gũi thân mật giữa các nhân viên với cấp cao.
- Thường xuyên kiểm tra sức khỏe định kỳ cho nhân viên nhất là đang mùa dịch Covid.

❖ **Giải pháp 3: Tìm ra các cách để quản lý tốt công nợ đối với khách hàng và nhà cung cấp.**

Quản lý công nợ là một việc vô cùng quan trọng. Nó có thể tác động mạnh mẽ đến sự thành công của doanh nghiệp. Tuy nhiên thì doanh nghiệp vẫn chưa nhận thức rõ được sự quan trọng đó. Điều đó làm cho doanh nghiệp càng áp lực hơn về dòng tiền và ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả kinh doanh.

Sau đây là các cách quản lý công nợ hiệu quả:

▪ **Tạo một hệ thống theo dõi hoàn chỉnh:**

Tổ chức một quy trình công nợ phải thu khách hàng và phải trả người bán theo tiêu chuẩn của doanh nghiệp. Quy trình phải xác định rõ trách nhiệm của cá nhân làm việc với khách hàng và nhà cung cấp, quy định cách thức thanh toán và thời gian, địa điểm cụ thể. Người làm kế toán công nợ phải nắm rõ quy trình luân chuyển chứng từ, quy trình thanh toán và kiểm soát chứng từ. Kế toán phải nắm vững các kiến thức chuyên môn cũng như thường xuyên cập nhật các phát sinh mới liên quan đến công nợ và các thông tin, văn bản pháp luật qua cổng thông tin: <https://thuvienphapluat.vn/>.

Căn cứ vào những thông tin trong hợp đồng, hóa đơn, phiếu nhập/Xuất kho, giấy báo có của ngân hàng, các khoản chiết khấu, hàng trả lại, tỷ giá,... kế toán sẽ cập nhật vào file theo dõi công nợ, theo dõi một cách thường xuyên, liên tục.

- **Theo dõi các khoản phải thu, phải trả thường xuyên:**

Kế toán công nợ phải thường xuyên kiểm soát thời hạn phải thu khách hàng và phải trả người bán, tránh để nợ quá hạn tồn đọng nhiều, thanh toán các khoản nợ đúng thời hạn cho nhà cung cấp, định kỳ chủ động làm các biên bản xác nhận công nợ để kịp thời báo cáo lên cấp trên.

- **Gửi hóa đơn, các chứng từ đến khách hàng nhanh chóng và gửi thông báo đã thanh toán cho nhà cung cấp:**

Gửi hóa đơn đến khách hàng là một việc quan trọng nhưng không phải doanh nghiệp nào cũng chú trọng đến việc này. Kế toán công nợ phải đảm bảo hóa đơn chuyển đến khách hàng đúng thời gian, tránh xảy ra sai sót, thất lạc hay chậm trễ.

Trước hoặc sau khi gửi hóa đơn thì kế toán công nợ nên liên hệ với bên khách hàng bằng cách gọi điện, gửi mail, fax,.. Lưu ý khi gửi nên kèm theo các thông tin nhắc nhở khéo léo để đốc thúc khách hàng thanh toán sớm.

Khi thực hiện thanh toán cho nhà cung cấp nên gọi báo trước, sau khi thanh toán xong cũng nên gửi thông báo qua mail hay gọi điện trực tiếp xem nhà cung cấp đã nhận được khoản thanh toán hay chưa?

- **Gọi điện thoại nhắc nhở nếu các khoản nợ quá hạn quá lâu:**

Nên tiếp cận khách hàng nhẹ nhàng, thoải mái tránh gây ra xung đột hai bên. Lưu ý không nên gọi khách hàng vào các ngày đầu năm, đầu tháng, đầu tuần vì xử lý không khéo dễ gây căng thẳng cho phía khách hàng.

Khung giờ nên gọi nhắc nhở khách hàng đó là sáng từ 10 giờ đến 11 giờ, chiều 2 giờ đến 4 giờ.

Yêu cầu kế toán công nợ phải có kỹ năng giao tiếp, ứng xử cũng như độ tinh tế đủ sức thuyết phục cũng như khắc phục những lỗi xảy ra không đáng có.

- **Duy trì tốt các mối quan hệ:**

Các mối quan hệ ở đây bao gồm mối quan hệ với khách hàng và sự liên kết với các phòng ban khác trong nội bộ doanh nghiệp (như phòng kinh doanh). Ngoài việc đốc thúc khách hàng trả nợ đúng hạn, đúng kỳ. Thì bộ phận thu hồi nợ của

công ty có thể thông báo các điều khoản hưởng chiết khấu, nhắc bổ sung chi tiết các thông tin về sản phẩm, các chứng từ liên quan. Thực hiện đúng lời hứa, thanh toán đúng hạn cho nhà cung cấp nhằm đảm bảo sự tin cậy và uy tín của doanh nghiệp.

Duy trì mối quan hệ tốt đẹp giữa kế toán công nợ và bộ phận kinh doanh.

❖ **Giải pháp 4: Sử dụng phần mềm quản lý công nợ.**

Công ty nên sử dụng phần mềm quản lý công nợ. Bởi vì việc quản lý công nợ thủ công vẫn còn nhiều điểm hạn chế chẳng hạn như: Số lượng ghi chép trùng lặp, việc kiểm tra cũng như thực hiện quản lý công nợ sẽ mất rất nhiều thời gian, việc quản lý thủ công khó kiểm soát hết dữ liệu và không thể thiếu được những sai sót trong quá trình làm việc; còn sử dụng phần mềm quản lý công nợ sẽ dễ dàng quản lý, công việc thực hiện nhanh chóng, tiết kiệm thời gian và giảm thiểu chi phí tư vấn cũng như tuyển dụng thêm nhân viên. Hiện nay trên thị trường có một số phần mềm quản lý công nợ nổi trội như: Phần mềm kế toán 1A.

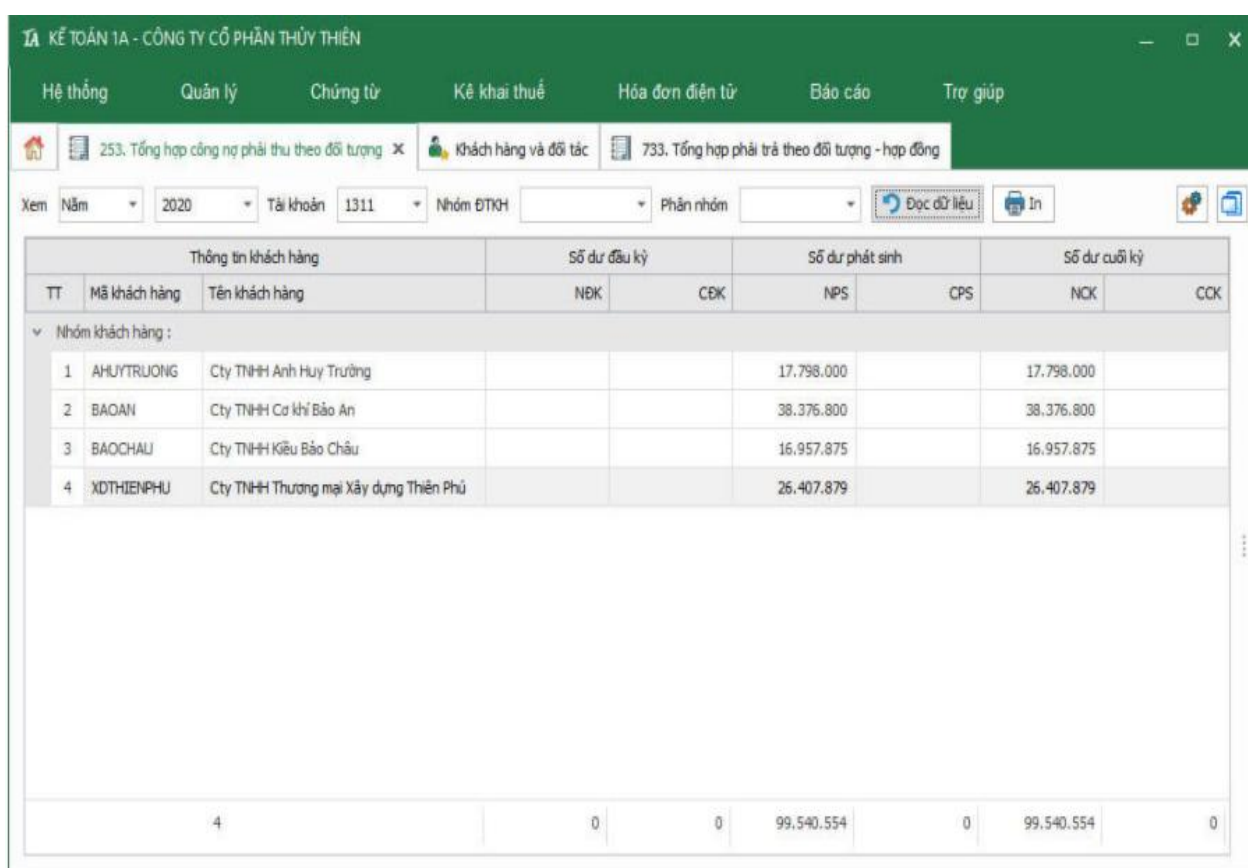
Lợi ích của việc sử dụng phần mềm quản lý công nợ:

- Phần mềm theo dõi công nợ sẽ giúp cho kế toán công nợ, nhà quản trị hay chủ doanh nghiệp theo dõi và quản lý dữ liệu trên một hệ thống duy nhất từ đó sẽ hạn chế tối đa tình trạng dữ liệu bị phân tán. Đồng thời, việc sử dụng phần mềm sẽ tối ưu hóa hơn việc quản lý công nợ bằng excel, vì với excel thì dữ liệu phải lưu trữ trong nhiều file độc lập, excel cũng không kết nối với những hệ thống xuất hóa đơn điện tử hay quét mã vạch.
- Thông tin công nợ khách hàng và nhà cung cấp được quản lý tập trung nên dễ dàng tìm kiếm và phân loại. Theo dõi chi tiết từng trường hợp dễ dàng hơn vì công nợ được quản lý theo số công nợ và người quản lý công nợ.
- Tiết kiệm thời gian vì giảm thiểu các chứng từ dư thừa, các thông tin nhập hàng, bán hàng, thông tin khách hàng đều lưu trữ chi tiết.
- Định kỳ phần mềm sẽ thông báo cho chúng ta lập báo cáo công nợ, mọi thông tin sẽ kết xuất sẵn mà không cần phải tìm kiếm.
- Sử dụng phần mềm sẽ hạn chế lỗi phát sinh. Có thể áp dụng cho nhiều công nợ cùng một lúc.

Hiện nay trên thị trường có một số phần mềm quản lý công nợ hiệu quả mà giá cả phù hợp với những doanh nghiệp vừa và nhỏ như công ty Thủy điện An Khê Ka- NaK ví dụ như:

➤ Phần mềm kế toán 1A:

Phần mềm kế toán 1A, công nợ khách hàng và nhà cung cấp sẽ được tự động ghi nhận, khi lập hóa đơn mua hàng, bán hàng. Sau khi nhập xong các chứng từ chúng ta có thể xem tổng hợp công nợ ở các báo cáo công nợ, hoặc ở màn hình quản lý khách hàng đối tác. Phần mềm này được đánh giá theo dõi công nợ rất hiệu quả, vì có thể theo dõi chi tiết công nợ đến từng hóa đơn, từng hợp đồng của cùng một đối tượng khách hàng. Phần mềm còn cảnh báo nếu chúng ta có phiếu thu/chi hoặc hóa đơn chưa được áp thanh toán, có thông báo số ngày nợ của hóa đơn giúp chúng ta không bỏ sót nợ của khách hàng và nhà cung cấp mà không cần phải tốn nhiều thời gian để rà soát đối chiếu.






The screenshot shows the 'KẾ TOÁN 1A - CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY THIÊN' software interface. The main window displays a table with columns for 'Thông tin khách hàng', 'Số dư đầu kỳ', 'Số dư phát sinh', and 'Số dư cuối kỳ'. The table lists four customers with their respective account numbers and balances.

Thông tin khách hàng			Số dư đầu kỳ		Số dư phát sinh		Số dư cuối kỳ	
TT	Mã khách hàng	Tên khách hàng	NĐK	CEK	NPS	CPS	NCK	CKK
▼ Nhóm khách hàng :								
1	AHUYTRUONG	Cty TNHH Anh Huy Trường			17.798.000		17.798.000	
2	BAOAN	Cty TNHH Cơ khí Bảo An			38.376.800		38.376.800	
3	BAOCHAU	Cty TNHH Kiều Bảo Châu			16.957.875		16.957.875	
4	XDTHIENPHU	Cty TNHH Thương mại Xây dựng Thiên Phú			26.407.879		26.407.879	
			0	0	99.540.554	0	99.540.554	0

(Nguồn: NBT Liên, *Phần mềm quản lý công nợ*, <http://ketoan1A.com>, truy cập 20/5/2021)




Biểu phí khi sử dụng phần mềm kế toán 1A được chia làm 2 mảng:

- Mảng thương mại và dịch vụ có những mức biểu phí sau:

THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ		SẢN XUẤT - XÂY LẬP	
TIÊU CHUẨN	MỞ RỘNG	KHÔNG GIỚI HẠN	
1.800.000 ^d năm đầu tiên	3.400.000 ^d năm đầu tiên	4.500.000 ^d năm đầu tiên	
			
Tối đa 02 kết nối đồng thời	Tối đa 04 kết nối đồng thời	Không giới hạn số kết nối	
Năm tiếp theo 1.800.000đ	Năm tiếp theo chỉ 2.500.000đ	Năm tiếp theo chỉ 3.000.000đ	
Miễn phí tích hợp HDDT	Miễn phí tích hợp HDDT	Miễn phí tích hợp HDDT	

(Nguồn: NBT Liên, Phần mềm quản lý công nợ, truy cập 20/5/2021, <<http://ketoan1A.com>>)

- Mảng sản xuất – xây lắp có những mức biểu phí sau:

THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ		SẢN XUẤT - XÂY LẬP	
TIÊU CHUẨN	MỞ RỘNG	KHÔNG GIỚI HẠN	
2.000.000 ^d năm đầu tiên	3.900.000 ^d năm đầu tiên	5.500.000 ^d năm đầu tiên	
			
Tối đa 02 kết nối đồng thời	Tối đa 04 kết nối đồng thời	Không giới hạn số kết nối	
Năm tiếp theo 2.000.000đ	Năm tiếp theo chỉ 3.000.000đ	Năm tiếp theo chỉ 4.000.000đ	
Miễn phí tích hợp HDDT	Miễn phí tích hợp HDDT	Miễn phí tích hợp HDDT	

(Nguồn: NBT Liên, Phần mềm quản lý công nợ, truy cập 20/5/2021, <<http://ketoan1A.com>>)

Ngoài ra, chúng ta có thể chọn chỉ theo dõi công nợ theo đối tượng, phần mềm sẽ tự động cảnh báo công nợ ngay khi nhập xong chứng từ. Hệ thống sổ sách, báo cáo công nợ của phần mềm cũng rất đầy đủ. Ngày nay, phần mềm 1A còn tích hợp với các nhà cung cấp hóa đơn điện tử BKAV, VNPT, Viettel giúp chúng ta tạo hóa đơn bán hàng và theo dõi công nợ phải thu khách hàng và phải trả người bán một cách nhanh chóng, thuận tiện. Trước tình hình dịch bệnh Covid thì việc lựa chọn phần mềm vừa đáp ứng tiêu chuẩn và giá cả hợp lý là một lựa chọn tối ưu cho doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí, tránh lãng phí vốn. Lập dự toán chi phí rủi ro nhằm đảm bảo đủ chi phí để trang trải cho công ty có thể sống sót qua mùa covid, và nếu như khó khăn nữa thì công ty nên đi vay các tổ chức tín dụng,...

❖ **Giải pháp 5: Thực hiện phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán.**

Thành lập một đội ngũ kiểm soát, đánh giá và tiến hành phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán.

Mục đích của việc phân tích công nợ là để các nhà phân tích đánh giá được chất lượng hoạt động tài chính, nắm được việc chấp hành kỷ luật thanh toán, đánh giá được sức mạnh tài chính hiện tại, tương lai cũng như dự đoán được tiềm lực tài chính và an ninh tài chính của doanh nghiệp.

Thực tế cho thấy, một doanh nghiệp có hoạt động tài chính tốt và lành mạnh, sẽ không phát sinh tình trạng dây dưa nợ, khả năng thanh toán dồi dào. Ngược lại, một công ty phát sinh tình trạng nợ dây dưa thì chắc chắn chất lượng hoạt động tài chính của doanh nghiệp không cao, thực trạng tài chính không mấy sáng sủa, khả năng thanh toán thấp. Vì thế có thể thấy việc thanh toán tình hình công nợ và khả năng thanh toán của doanh nghiệp là rất quan trọng. Qua đó các nhà quản lý có thể đánh giá được chất lượng và hiệu quả của hoạt động tài chính.

Tình hình công nợ của doanh nghiệp thể hiện qua các khoản nợ phải thu và các khoản phải chi trả của doanh nghiệp. Các khoản nợ phải thu và phải trả trong doanh nghiệp chủ yếu là các khoản nợ đối với người mua, người bán nên khi phân tích các nhà quản lý thường phân tích chuyên sâu các khoản phải thu khách hàng và phải trả người bán của doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp thường xuyên phát sinh các khoản nợ với ngân sách Nhà nước, với đơn vị nội bộ, khi phân tích cũng xem xét các quan hệ thanh toán này.

Khi phân tích thì các nhà quản trị sẽ lựa chọn, tính toán, so sánh và đưa ra nhận xét.

- Tỷ lệ các khoản nợ phải thu so với các khoản nợ phải trả (%):

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản doanh nghiệp bị chiếm dụng so với các khoản đi chiếm dụng:

$$\text{Tỷ lệ các khoản nợ phải thu so với các khoản nợ phải trả} = \frac{\text{Nợ phải thu}}{\text{Nợ phải trả}} \times 100\%$$

Nếu tỷ lệ này lớn hơn 100% thì chứng tỏ số vốn của doanh nghiệp bị chiếm dụng lớn hơn số vốn mà doanh nghiệp đi chiếm dụng và ngược lại.

- Hệ số các khoản phải thu là tỷ lệ của các khoản nợ phải thu so với tổng tài sản, qua đó cho thấy mức độ bị chiếm dụng vốn của doanh nghiệp. Trong tổng tài sản của doanh nghiệp có bao nhiêu phần vốn bị chiếm dụng.
- Hệ số các khoản phải trả là tỷ lệ các khoản nợ phải trả so với tổng tài sản, chỉ tiêu này cho ta biết trong tổng tài sản của doanh nghiệp có bao nhiêu phần được tài trợ bởi nguồn vốn đi chiếm dụng.
- Số vòng quay các khoản phải thu ngắn hạn (vòng):

$$\text{Số vòng quay các khoản phải thu ngắn hạn} = \frac{\text{Tổng số tiền hàng bán chịu (hoặc doanh thu thuần)}}{\text{Số dư bình quân các khoản phải thu ngắn hạn}}$$

Chỉ tiêu này cho biết mức độ hợp lý của số dư các khoản phải thu ngắn hạn và hiệu quả của việc thu hồi nợ ngắn hạn. Nếu số vòng quay của các khoản nợ ngắn hạn lớn, chứng tỏ doanh nghiệp thu hồi tiền hàng kịp thời, ít bị chiếm dụng vốn. Tuy nhiên, số vòng quay các khoản phải thu ngắn hạn nếu quá cao sẽ không tốt vì có thể ảnh hưởng đến khối lượng hàng tiêu thụ do phương thức thanh toán quá chặt chẽ (chủ yếu thanh toán ngay trong thời gian ngắn).

Trong công thức trên, số dư các khoản phải thu bình quân được tính như sau:

$$\text{Số dư bình quân các khoản phải thu ngắn hạn} = (\text{Phải thu đầu năm} + \text{cuối})/2$$

Cách tính này sẽ cho phép các nhà quản lý đánh giá được tình hình thanh toán của từng đối tượng.

- Thời gian thu tiền bình quân:

$$\text{Thời gian thu tiền bình quân} = \frac{\text{Thời gian của kỳ phân tích}}{\text{Số vòng quay các khoản phải thu ngắn hạn}}$$

Thời gian của kỳ phân tích thường là 1 năm là 360 ngày, 1 quý là 90 ngày và một tháng là 30 ngày.

Thời gian thu hồi càng ngắn, chứng tỏ tốc độ thu hồi tiền hàng càng nhanh, doanh nghiệp ít bị chiếm dụng vốn và ngược lại. Tuy nhiên, thời gian thu tiền ngắn quá sẽ gây khó khăn cho người mua nên sẽ ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ sản phẩm và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

Khi phân tích, chúng ta cần tính toán và so sánh với thời gian bán chịu quy định cho khách hàng. Nếu thời gian thu tiền lớn hơn thời gian bán chịu quy định cho khách hàng thì việc thu hồi các khoản phải thu là chậm. Ngược lại, số ngày quy định bán chịu cho khách hàng lớn hơn thời gian thu hồi tiền hàng. Chứng tỏ việc thu hồi nợ sớm hơn so với kế hoạch về thời gian.

Với những doanh nghiệp có mức độ kinh doanh ổn định, ít bị ảnh hưởng bởi tính thời vụ và chu kỳ kinh doanh thì thời gian thu tiền tính như sau:

$$\text{Thời gian thu tiền bình quân} = \frac{\text{Số dư các khoản phải thu cuối năm}}{\text{Mức tiền hàng bán chịu bình quân 1 ngày}}$$

Qua cách tính này nhà quản lý có thể biết được khoảng thời gian nào là cần thiết để doanh nghiệp có thể thu hồi hết các khoản nợ.

- Số vòng quay các khoản phải trả ngắn hạn (vòng):

$$\text{Số vòng quay các khoản phải trả ngắn hạn} = \frac{\text{Tổng số tiền chậm trả (Giá vốn hàng bán)}}{\text{Số dư bình quân các khoản phải trả ngắn hạn}}$$

Chỉ tiêu này cho biết mức độ hợp lý của số dư các khoản phải trả người bán và hiệu quả của việc thanh toán nợ. Nếu số vòng quay của các khoản phải trả lớn. Chứng tỏ doanh nghiệp thanh toán tiền hàng kịp thời, ít đi chiếm dụng vốn nên tạo độ uy tín cao đối với nhà cung cấp. Tuy nhiên nếu khoản này quá cao có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp, vì khi đó mức độ chiếm dụng vốn của doanh nghiệp ít, nên doanh nghiệp phải ứng thêm vốn cho hoạt động kinh doanh hoặc doanh nghiệp phải huy động mọi nguồn vốn để trả nợ kể cả vay hay bán rẻ hàng hóa, dịch vụ,...

Số dư bình quân các khoản phải trả ngắn hạn = (Phải trả đầu + cuối)/2

- Thời gian thanh toán:

Thời gian thanh toán hay thời gian vòng quay các khoản phải trả ngắn hạn là chỉ tiêu phản ánh thời gian bình quân mà doanh nghiệp thanh toán tiền cho chủ nợ trong kỳ, chỉ tiêu này được tính như sau:

$$\text{Thời gian thanh toán bình quân} = \frac{\text{Thời gian của kỳ phân tích}}{\text{Số vòng quay các khoản phải trả ngắn hạn}}$$

Hay:

$$\text{Thời gian thanh toán bình quân} = \frac{\text{Số dư bình quân các khoản phải trả ngắn hạn}}{\text{Mức tiền chậm trả bình quân 1 ngày}}$$

Thời gian thanh toán tiền càng ngắn, chứng tỏ tốc độ thanh toán tiền càng nhanh, doanh nghiệp ít đi chiếm dụng vốn. Ngược lại, thời gian thanh toán càng dài, tốc độ thanh toán tiền càng chậm, thì số vốn doanh nghiệp chiếm dụng càng nhiều.

Khi phân tích, cần tính toán và so sánh với thời gian mua chịu được người bán quy định cho doanh nghiệp. Nếu thời gian thanh toán tiền lớn hơn thời gian chậm trả được quy định thì việc thanh toán tiền là chậm trễ và ngược lại, số ngày quy định mua chịu lớn hơn thời gian thanh toán tiền thì chứng tỏ việc thanh toán nợ sớm hơn so với kế hoạch về thời gian.

Đối với những doanh nghiệp kinh doanh ổn định, ít bị ảnh hưởng bởi tính thời vụ và chu kỳ kinh doanh thì thời gian thanh toán bình quân sẽ là:

$$\text{Thời gian thanh toán bình quân} = \frac{\text{Số tiền hàng còn phải trả cuối năm}}{\text{Mức tiền chậm trả bình quân 1 ngày}}$$

Với cách tính này thì các nhà quản lý có thể biết được khoảng thời gian cần thiết để doanh nghiệp có thể thanh toán hết số nợ.

(Nguồn: Phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán, truy cập ngày 20/5/2021,

<<http://ngheketuan.edu.vn>>)

KẾT LUẬN



Qua thời gian thực tập tại Công ty Thủy điện An Khê- Ka Nak em nhận thấy rằng công tác kế toán luôn gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh và ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của công ty.

Và kết quả đạt được sau khi nghiên cứu đề tài “Hoàn thiện kế toán phải thu khách hàng và kế toán phải trả người bán tại Công ty Thủy điện An Khê - Ka NaK”, em có thể hiểu biết khái quát về công ty Thủy điện An Khê- Ka NaK, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác kế toán phải thu khách hàng và thanh toán với nhà cung cấp trong công ty. Vận dụng kiến thức đã học ở trường lớp cùng kinh nghiệm ít ỏi của bản thân để thực hành ghi sổ kế toán. Từ đó mạnh dạn đưa ra ý kiến của bản thân về mặt tích cực, tiêu cực và đưa ra phương hướng, giải pháp giúp cho công tác sản xuất kinh doanh của công ty nói chung và công tác kế toán phải thu khách hàng và phải trả người bán nói riêng của công ty đạt hiệu quả hơn.

Vì thời gian thực tập ngắn và kiến thức còn nhiều hạn chế nên không tránh khỏi có những sai sót và những biện pháp đưa ra chưa hoàn hảo. Kính mong được sự quan tâm chỉ bảo của các thầy cô cùng toàn thể anh chị phòng ban kế toán của Công ty để bài viết hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn Cô Nguyễn Thị Thùy Linh và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty Thủy điện An Khê- Ka Nak đã giúp đỡ em trong quá trình thực tập và hoàn thiện khóa luận tốt nghiệp.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Tài Chính (2014), *Thông tư số 200 hướng dẫn lập chứng từ kế toán và Hướng dẫn ghi sổ kế toán*, Bộ tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.
- [2] *Lịch sử hình thành và phát triển của công ty Thủy điện An Khê - Ka NaK*, truy cập ngày 14 tháng 03 năm 2020, <<http://www.akhpc.vn/>>.
- [3] Mộc Lan (2020), *Dự phòng phải thu khó đòi*, truy cập ngày 20 tháng 03 năm 2020, <<https://congdongketoan.vn/>>.
- [4] Nguyễn Thị Thu Huyền (2019), *Cơ sở lý luận về kế toán toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán trong công ty TNHH Minh Sương*, Chuyên đề tốt nghiệp, truy cập ngày 22 tháng 02 năm 2020, <<http://luanvan.com/>> .
- [4] Ngọc Hải (2020), *Phần mềm quản lý công nợ khách hàng và nhà cung cấp*, tạp chí, truy cập ngày 13 tháng 04 năm 2020, <<http://tintucketoan.com.vn>> .
- [5] Quang Tuấn (2018), *Quản lý công nợ hiệu quả*, tạp chí, truy cập ngày 13 tháng 04 năm 2020, <<http://sapuwa.com.vn/>>.
- [6] Trần Thị Cẩm Thanh (2014), *giáo trình Tổ chức hạch toán kế toán*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, Tr 39- 61, Tr 99-103.
- [7] Trần Thị Cẩm Thanh, Nguyễn Ngọc Tiến (2017), *giáo trình nguyên lý kế toán*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, Tr 129-140.
- [8] Thế Bảo (2014), *Các hình thức ghi sổ kế toán tại một doanh nghiệp*, truy cập ngày 16 tháng 03 năm 2020, <<http://ketoanthienung.vn/>>.
- [9] Tài liệu, sổ sách của Công ty Thủy điện An Khê - Ka Nak.

